

**Bản tin**

# Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp  
chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 15 ra ngày 11/4/2022

Trong số này:

Trang

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**Phòng Thông tin Xuất nhập khẩu**  
655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội  
**Bộ phận biên tập:**  
Tel: (024) 22192875  
Phụ trách nội dung  
ĐD: 0986836889  
**Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:**  
Tel: (024) 37152586  
(024) 37152585  
(024) 37152584  
Fax: (024) 37152574

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....	2
THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN4	
TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU .....	5
<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh tăng khá.....</i>	5
<i>Xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn giảm .....</i>	9
<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	12
<i>Nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu tăng mạnh về lượng .....</i>	16
<i>Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ giảm mạnh.....</i>	18
<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	21
<i>Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....</i>	24
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	26
<i>Indonesia mở rộng thị phần sản phẩm gỗ tại Đức .....</i>	26
<i>Malaysia đặt mục tiêu xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 32,8 tỷ RM vào năm 2030 .....</i>	26
<i>Thương mại gỗ sẽ bị ảnh hưởng bởi các lệnh trừng phạt đối với Nga</i>	26
THAM KHẢO .....	27
<i>Gỗ vương lập hóa đơn thuế GTGT 8% .....</i>	27
<i>Trung Quốc giảm thuế đối với 12 sản phẩm gỗ và giấy nhập khẩu từ New Zealand.....</i>	28

**Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.  
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập**

## THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

### 1. Kinh tế thế giới

Tuần qua, mặc dù Nga và Ucraina đã nỗ lực đàm phán nhưng xung đột giữa hai quốc gia vẫn diễn biến theo chiều hướng xấu đi, kéo theo hàng loạt các biện pháp trừng phạt và đáp trả về kinh tế và thương mại giữa Nga với Mỹ và các nước phương Tây. Diễn biến này đang gây thiệt hại rõ nét lên kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các quốc gia châu Âu. Các nước châu Âu, vốn phụ thuộc vào năng lượng của Nga, đang đối mặt với cuộc suy thoái thứ 3 trong vòng 2 năm qua. Nền kinh tế Mỹ mặc dù có triển vọng lạc quan hơn do Mỹ vẫn là quốc gia sản xuất dầu hàng đầu thế giới, nhưng lạm phát tăng cao vẫn có khả năng ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế Mỹ.

Theo số liệu sơ bộ của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), lạm phát của Khu vực Eurozone trong tháng 3/2022 đã tăng lên mức kỷ lục 7,5%, cao gấp 2,5 lần so với mức mục tiêu tăng 2% và cũng đánh dấu mức lạm phát cao kỷ lục từ trước đến nay của khu vực này. Trước đó, báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ cũng cho thấy, lạm phát của nền kinh tế hàng đầu thế giới trong tháng 2/2022 đã tăng lên mức cao kỷ lục trong 40 năm qua. Lạm phát tại Mỹ và Eurozone nói riêng và lạm phát toàn cầu nói chung hiện bị thúc đẩy bởi 3 yếu tố, bao gồm giá năng lượng trên toàn thế giới tăng cao, sức ép nguồn cung trong lĩnh vực thực phẩm và các điểm nghẽn trong hoạt động sản xuất.

Theo ước tính của Viện Nghiên cứu kinh tế và xã hội quốc gia của Anh, tác động của cuộc chiến ở Ucraina sẽ làm giảm tăng trưởng GDP toàn cầu khoảng 0,4% trong năm 2022, nếu cuộc chiến kéo dài có thể làm giảm GDP toàn cầu khoảng 1% trong năm 2023, ngoài ra còn làm tăng lạm phát trên toàn cầu thêm 3% trong năm 2022 và 2% trong năm 2023.

Trong khi đó, chính sách Zero-Covid tại Trung Quốc với hàng loạt biện pháp siết chặt nhằm kiểm soát đà lây lan của dịch bệnh đã và đang tác động nghiêm trọng đến kinh tế nước này. Trong tháng 3/2022, chỉ số quản lý sức mua (PMI) trong lĩnh vực dịch vụ theo tính toán của Caixin Trung Quốc chỉ đạt 42 điểm, thấp hơn nhiều so với mức 50,2 điểm trong tháng trước và đánh dấu mức giảm mạnh nhất của chỉ số này kể từ thời điểm dịch Covid-19 bùng phát vào tháng 3/2020. Trước đó, chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất do Caixin Trung Quốc công bố cũng chỉ đạt 48,1 điểm trong tháng 3/2022, thấp hơn so với mức 50,4 điểm trong tháng trước và cho thấy hoạt động sản xuất của Trung Quốc chính thức bị thu hẹp. Sự suy yếu của cả hai ngành sản xuất và dịch vụ đã kéo chỉ số PMI tổng hợp trong tháng 3/2022 xuống 43,9 điểm, từ mức 50,1 điểm trong tháng trước và là mức thấp nhất của chỉ số này kể từ tháng 3/2020 đến nay. Cùng với tình hình dịch bệnh tại Trung Quốc đang bùng phát nghiêm trọng nhất kể từ đầu năm 2020, tác động của những bất ổn trên thị trường thế giới đã tạo nên sự cộng hưởng và làm trầm trọng thêm sức ép lên đà tăng trưởng của kinh tế nước này.

Tuy nhiên, sức ép lạm phát toàn cầu cũng phần nào giảm bớt trước xu hướng hạ nhiệt của giá dầu thô. Trong tuần qua, giá dầu thô đã giảm xuống dưới ngưỡng 100 USD/thùng nhờ những thông tin tích cực về nguồn cung bổ sung từ các thành viên của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (EIA) cộng với nhu cầu năng lượng toàn cầu sụt giảm do hoạt động sản xuất, vận tải chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh và xung đột vũ trang tại Ucraina. Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/4/2022, giá dầu Brent giảm 9,3% so với cuối tuần trước xuống 101,07 USD/thùng, dầu WTI giảm 10,8% xuống 96,23 USD/thùng.

Trong khi đó, sức ép lạm phát và ảnh hưởng bởi diễn biến bất ổn trên toàn cầu

hiển kinh tế Mỹ đang có tín hiệu phục hồi chậm lại. Theo số liệu của Viện Quản lý Cung ứng Mỹ (ISM), chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tại Mỹ đã giảm xuống còn 57,1 điểm trong tháng 3/2022, thấp hơn mức 58,6 điểm của tháng 2/2022 và thấp hơn nhiều mức dự báo 59 điểm được đưa ra trước đó; chỉ số PMI ngành dịch vụ cũng chỉ đạt 58,3 điểm, thấp hơn so với mức dự kiến đạt 58,4 điểm.

## **2. Kinh tế trong nước**

Mặc dù đối mặt với nhiều sức ép đến từ trong và ngoài nước, kinh tế trong nước vẫn đang ghi nhận xu hướng hồi phục nhanh. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính đến cuối tháng 3/2022, tín dụng của toàn nền kinh tế tăng 5,04% so với cuối năm 2021, cao hơn nhiều so với mức tăng 2,16% của quý I/2021. Điều này phản ánh sự phục hồi tích cực của nền kinh tế, góp phần quan trọng hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy nhanh nhu cầu tiêu dùng, đồng thời chứng minh các biện pháp phòng chống dịch của Chính phủ đang phát huy hiệu quả rõ nét.

Trong lĩnh vực thương mại, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa cũng ghi nhận tốc độ phục hồi nhanh. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong quý I/2022 đạt 89,1 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu đạt 87,6 tỷ USD, tăng 15,2%, đưa cán cân thương mại trong quý I/2022 thặng dư 1,46 tỷ USD.

Trước diễn biến tích cực của kinh tế Việt Nam, trong “Báo cáo Triển vọng phát triển châu Á” được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố vào tuần đầu tháng 4/2022, ADB giữ nguyên mức dự báo tăng trưởng 6,5% của Việt Nam trong năm 2022, đồng thời nhận định kinh tế Việt Nam sẵn sàng phục hồi mạnh mẽ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bất ổn định. Điều này đạt được nhờ tỉ lệ tiêm chủng Covid-19 cao của Việt Nam, nỗ lực đẩy mạnh thương mại và tiếp tục thực hiện các chính sách tài khóa, tiền tệ, phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ. Mặt khác, báo cáo cũng nhìn nhận triển vọng phục hồi của Việt Nam bị ảnh hưởng bởi những rủi ro ngắn hạn. Theo đó, ngoài số ca nhiễm Covid-19 tăng cao kể từ giữa tháng 3/2022, tốc độ phục hồi kinh tế toàn cầu chậm lại, giá dầu thế giới tăng cao do xung đột giữa Nga và Ucraina sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và giá dầu trong nước, gây sức ép đến lạm phát. Bên cạnh đó, những bất ổn trên thị trường tài chính toàn cầu và việc các nền kinh tế lớn ngừng thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng sẽ làm suy yếu đồng nội tệ của Việt Nam, làm cho giá hàng nhập khẩu đắt hơn và gia tăng áp lực lạm phát.

Trong khi đó, mặc dù cùng chung nhận định với ADP về những rủi ro Việt Nam đang đối mặt, nhưng trong báo cáo mới nhất, Ngân hàng Thế giới (WB) đã hạ dự báo tăng trưởng năm 2022 của Việt Nam từ 6,5% xuống 5,3% và có thể xuống 4,4% nếu kịch bản xấu hơn. Lý do WB điều chỉnh giảm mạnh dự báo tăng trưởng của Việt Nam bởi những khó khăn mà Việt Nam gặp phải khi đối phó với biến chủng Omicron dẫn tới số lượng các ca nhiễm mới tăng mạnh. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng chịu tác động lớn bởi việc nhập khẩu dầu với giá trị lên tới 3% GDP, đồng thời việc phụ thuộc vào nhiều nguyên, phụ liệu nhập khẩu cũng bị ảnh hưởng trước diễn biến tăng của giá hàng hóa toàn cầu. WB cho rằng phục hồi kinh tế của Việt Nam sẽ phụ thuộc vào tốc độ phục hồi nhu cầu tư nhân trong nước, hiện còn tương đối chậm, thể hiện tâm lý thận trọng của người tiêu dùng và nhà đầu tư. Bên cạnh đó, chính sách tiền tệ vẫn cần nới lỏng, nhưng phải tiếp tục thận trọng nhằm kiểm soát rủi ro trong khu vực tài chính. Tuy nhiên, WB nhận định kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi trở lại vào năm 2023 và 2024 với mức tăng trưởng lần lượt 6% và 6,5%.

## THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

### TRONG NƯỚC:

- Theo số liệu mới công bố của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 3/2022 đạt gần 1,54 tỷ USD, tăng 74,3% so với tháng 2/2022; Nâng kim ngạch xuất khẩu 3 tháng đầu năm 2022 đạt 3,98 tỷ USD, tăng 4,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ tháng 3/2022 đạt 1,16 tỷ USD, tăng 69,6% so với tháng 2/2022; Nâng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ quý I/2022 đạt trên 3 tỷ USD, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh trong tháng 3/2022 đạt 27,4 triệu USD, nâng kim ngạch xuất khẩu trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 72 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn trong tháng 3/2022 đạt 314 triệu USD, giảm 8,9% so với tháng 3/2021. Trong 3 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 816 triệu USD, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ 29/3 đến 5/4/2022 đạt 391,2 triệu USD, giảm 8,7% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 276,2 triệu USD, giảm 7,7% so với tuần trước.
- Theo số liệu mới công bố của Tổng cục Hải quan, trị giá nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 3/2022 đạt 237,98 triệu USD, tăng 24,6% so với tháng 2/2022; Nâng trị giá nhập khẩu trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 678,5 triệu USD, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm 2021.
- Nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 3/2022 ước đạt 55,7 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 21,7 triệu USD, tăng 15,1% về lượng và tăng 15,2% về trị giá so với tháng 02/2022; so với tháng 3/2021 tăng 32,7% về lượng và tăng 26,3% về trị giá. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ lim ước đạt 154,2 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 61,8 triệu USD, tăng 47,8% về lượng và tăng 44,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Mỹ về Việt Nam trong tháng 02/2022 đạt 34,86 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 14,19 triệu USD, giảm 3,5% về lượng và giảm 22,1% về trị giá so với tháng 01/2022; giảm 19,5% về lượng và giảm 12,1% về trị giá so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ đạt 70,997 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 32,41 triệu USD, giảm 44,9% về lượng và giảm 34,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.
- Trong tuần từ ngày 29/3/2022 đến 05/4/2022, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 63,4 triệu USD, tăng 7,0% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 22/3/2022 đến 05/4/2022 đạt 40,37 triệu USD, giảm 8,6% so với kỳ trước (từ 08/3/2022 đến 22/3/2022).

### QUỐC TẾ:

- **Indonesia:** Indonesia có kế hoạch mở rộng thị phần các sản phẩm gỗ tại Đức,

việc này được Đại sứ Indonesia tại Đức công bố khi mở cuộc đối thoại giữa các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm gỗ Indonesia - Đức. Đại sứ Indonesia cũng nhấn mạnh việc thúc đẩy các sản phẩm gỗ được cấp phép bởi Cơ quan Thực thi Lâm luật, Quản trị và thương mại Lâm nghiệp (FLEGT) của EU.

- **Malaysia:** Dự báo xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 32,8 tỷ RM (tương đương 7,77 tỷ USD) vào năm 2030. Ngành công nghiệp gỗ đóng góp cao thứ ba về trị giá trong ngành hàng nông sản xuất khẩu của Malaysia, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 22,74 tỷ RM (tương đương 5,38 tỷ USD) vào năm 2021.
- **Thế giới:** Hoạt động thương mại gỗ xẻ toàn cầu sẽ bị thay đổi bởi các lệnh trừng phạt đối với Nga sau cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina.

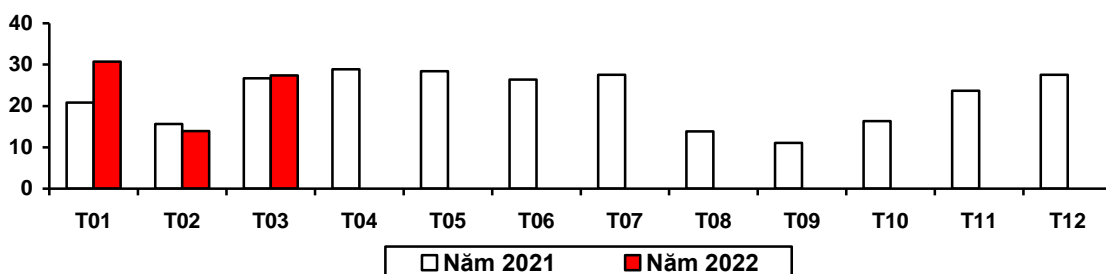
## **TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU**

### **Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh tăng khá**

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh trong tháng 3/2022 đạt 27,4 triệu USD, nâng kim ngạch xuất khẩu trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 72 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021.

#### **Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Anh năm 2021 - 2022**

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Sau khi tách ra khỏi EU, Anh trở thành một trong những thị trường quan trọng của ngành gỗ Việt Nam, hiện tại Anh là thị trường xuất khẩu gỗ lớn thứ 6 của Việt Nam. Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Anh, đồ nội thất bằng gỗ là nhóm hàng xuất khẩu chính và chiếm tỷ trọng cao trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 41,6 triệu USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 93,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn xuất khẩu có kim ngạch dẫn đầu đạt 18,7 triệu USD, tăng 26,3%; Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ đạt 8,7 triệu USD, tăng 3,8%; Ghế khung gỗ đạt 8,7 triệu USD, tăng 40,1%... Ngoài ra, trong 2 tháng đầu năm 2022 còn một số mặt hàng khác xuất khẩu tới thị trường Anh như: Gỗ, ván và ván sàn, cửa gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ...

Anh là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 3 thế giới sau EU và Mỹ, với nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 4,1 tỷ USD/năm trong giai đoạn năm 2017 – 2021 (theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế - ITC). Trong năm 2021, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh đạt 4,87 tỷ USD, tăng 32% so với năm 2020, đây là mức cao nhất trong 5 năm qua. Tháng 01/2022, Anh tiếp tục tăng mạnh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ, đạt 539,1 triệu USD, tăng 35,4% so với tháng 12/2021, tăng 46,6% so với tháng 01/2021. Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

bằng gỗ lớn thứ 2 cho Anh, trong tháng 01/2022, đạt 30,63 triệu USD, tăng 22% so với tháng 12/2021, tăng 3,3% so với tháng 01/2021. Tuy nhiên, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 5,7% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh, vẫn còn thấp so với nhu cầu, đây là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu tới thị trường này trong thời gian tới.

Đáng chú ý, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKVFTA) đóng vai trò quan trọng, ngành gỗ cũng hưởng lợi khi nhiều mặt hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ có thuế suất về 0% trong vòng 5 năm (gỗ nguyên liệu hiện có thuế suất 2-10%), giúp cho gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn tại thị trường Anh. Hiệp định UKVFTA còn thu hút dòng vốn FDI vào ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Qua đó, thúc đẩy các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ Việt Nam khai thác và mở rộng thị trường, đa dạng sản phẩm để tăng thêm sự lựa chọn cho người tiêu dùng tại thị trường này.

Tuy nhiên, hiện tại nhiều doanh nghiệp ngành gỗ của Việt Nam đang đối mặt chi phí vận chuyển tăng cao do tác động của cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina. Bên cạnh đó, rào cản kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu từ phía Anh là rất chặt chẽ. Thủ tục xuất khẩu đồ gỗ sang thị trường Anh ngày càng khó hơn. Kể từ khi Anh chính thức rời khỏi EU, Chính phủ Anh vẫn áp dụng cơ bản Quy định về gỗ của EU (EUTR), nhưng đang từng bước siết chặt hơn các quy định về môi trường. Ngày 25/3/2022 là hạn cuối, các nhà nhập khẩu phải kê khai nguyên liệu sử dụng chèn lót đồ gỗ. Theo quy định này, nhà nhập khẩu phải sử dụng nguyên liệu giấy để chèn lót đồ gỗ, thay vì nhựa như trước đây. Chính phủ Anh cũng khuyến khích sử dụng các nguyên liệu tái chế có chứng nhận quốc tế về bảo vệ môi trường. Chính phủ Anh đang đẩy nhanh việc triển khai chương trình xét nghiệm (test) AND sản phẩm gỗ nhằm chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp. Do đó, Anh sẽ yêu cầu các nhà xuất khẩu sử dụng nguyên liệu gỗ đầu vào phải có chứng nhận FSC (tiêu chuẩn tự nguyện nhằm hỗ trợ quản lý rừng có trách nhiệm trên phạm vi toàn cầu). Vì vậy, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Anh thì Gỗ có chứng chỉ FSC là 1 trong các yếu tố mà thị trường Anh đang xem xét.

Dư địa thị trường lớn nhưng yêu cầu nhập khẩu khắt khe tại thị trường Anh. Do đó, để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này, các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam cần phải khai thác hiệu quả Hiệp định UKVFTA, cần đầu tư nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm hàng hóa nhằm củng cố tính cạnh tranh của sản phẩm tại thị trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chuẩn và quy trình quản lý, coi trọng trách nhiệm xã hội, minh bạch hóa thông tin về lao động, môi trường sản xuất để có sự chuẩn bị tốt nhất khi phải đối mặt với áp lực cạnh tranh.

### Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Anh trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022

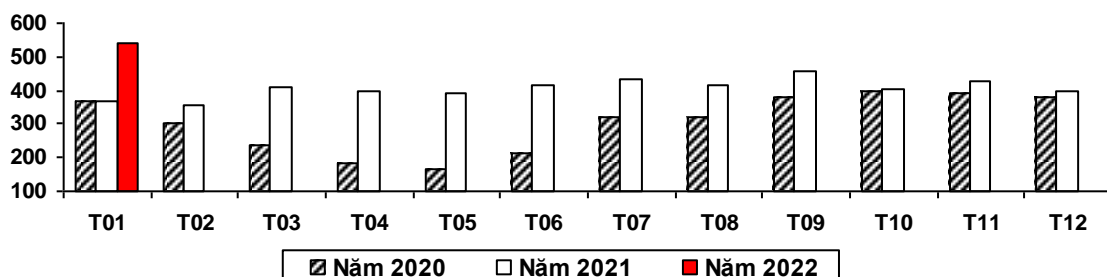
Mặt hàng	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>13.916</b>	<b>-11,8</b>	<b>44.644</b>	<b>22,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>Đồ nội thất bằng gỗ</b>	<b>12.920</b>	<b>-6,9</b>	<b>41.611</b>	<b>27,0</b>	<b>93,2</b>	<b>89,5</b>
<i>Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn</i>	5.797	-6,5	18.697	26,3	41,9	40,4
<i>Đồ nội thất phòng ngủ</i>	2.608	-15,8	8.744	3,8	19,6	23,0
<i>Ghế khung gỗ</i>	2.711	-14,7	8.706	40,1	19,5	17,0

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Mặt hàng	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
Đồ nội thất nhà bếp	1.121	70,6	3.356	104,7	7,5	4,5
Đồ nội thất văn phòng	683	-9,0	2.108	24,4	4,7	4,6
Gỗ, ván và ván sàn	267	-65,2	1.103	-13,3	2,5	3,5
Cửa gỗ	100	-71,7	420	-58,2	0,9	2,7
Đồ gỗ mỹ nghệ	20	-74,8	72	-52,4	0,2	0,4
Khung gương	23	-21,7	66	78,8	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh năm 2020 - 2022**  
(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: ITC

**Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Anh nhập khẩu tháng 01/2022**

Mặt hàng (mã HS)	Tên hàng	Tháng 01/2022 (nghìn USD)	So với tháng 12/2021 (%)	So với tháng 01/2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					T01/2022	T01/2021
<b>Tổng</b>		<b>539.108</b>	<b>35,4</b>	<b>46,6</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	218.144	31,6	29,9	40,5	45,7
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	180.410	27,1	75,6	33,5	27,9
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	96.205	52,2	39,1	17,8	18,8
940340	Đồ nội thất nhà bếp	28.733	89,6	81,8	5,3	4,3
940330	Đồ nội thất văn phòng	15.616	29,4	30,8	2,9	3,2

Nguồn: ITC

**Anh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường tháng 01/2022**

Thị trường	Tháng 01/2022 (nghìn USD)	So với tháng 12/2021 (%)	So với tháng 01/2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
				T 01/2022	T 01/2021
<b>Tổng</b>	<b>539.108</b>	<b>35,4</b>	<b>46,6</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Trung Quốc	237.069	30,9	45,4	44,0	44,4
Việt Nam	30.630	22,0	3,3	5,7	8,1
<b>EU</b>	<b>183.276</b>	<b>49,6</b>	<b>80,5</b>	<b>34,0</b>	<b>27,6</b>
Ba Lan	59.283	27,2	67,0	11,0	9,7
Italia	33.862	54,6	73,1	6,3	5,3
Đức	25.681	75,8	99,2	4,8	3,5
Litva	18.032	32,8	62,8	3,3	3,0
Rumani	7.319	382,5	401,3	1,4	0,4

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tháng 01/2022 (nghìn USD)	So với tháng 12/2021 (%)	So với tháng 01/2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
				T 01/2022	T 01/2021
Tây Ban Nha	5.465	66,9	33,7	1,0	1,1
Pháp	4.719	42,5	77,8	0,9	0,7
Đan Mạch	4.671	28,7	50,0	0,9	0,8
Bồ Đào Nha	4.510	227,3	242,4	0,8	0,4
Thụy Điển	3.471	-16,1	34,5	0,6	0,7
Cộng Hoà Séc	1.970	18,9	106,7	0,4	0,3
Hà Lan	1.818	3,2	235,4	0,3	0,1
Estonia	1.720	2587,5	72,0	0,3	0,3
Látvia	1.701	89,8	176,6	0,3	0,2
Ai Len	1.520	-2,9	-15,1	0,3	0,5
Bungari	1.322	300,6	117,8	0,2	0,2
Slovakia	1.177	65,5	81,1	0,2	0,2
Slovenia	1.161	185,3	153,5	0,2	0,1
Phần Lan	1.119	368,2	1734,4	0,2	0,0
Bỉ	1.056	269,2	517,5	0,2	0,0
...					
Malaysia	16.626	38,8	39,6	3,1	3,2
Indonesia	11.175	62,0	136,0	2,1	1,3
Hồng Kông	9.494	64,3	73,2	1,8	1,5
Ấn Độ	8.931	74,3	86,6	1,7	1,3
Braxin	8.810	3,4	23,4	1,6	1,9
Thổ Nhĩ Kỳ	7.084	48,5	151,5	1,3	0,8
Mỹ	6.599	14,1	-39,4	1,2	3,0
UAE	2.124	63,6	-42,6	0,4	1,0
Singapore	1.888	36,6	-42,0	0,4	0,9
Ukraina	1.866	196,7	210,0	0,3	0,2
Thái Lan	1.457	-20,2	-41,1	0,3	0,7
Australia	1.282	-9,1	-49,1	0,2	0,7
Nam Phi	1.230	-13,5	-48,7	0,2	0,7
Canada	1.143	-17,3	-14,5	0,2	0,4
Bêlarút	942	-32,8	0,5	0,2	0,3

Nguồn: ITC

**Doanh nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu cao sang thị trường Anh tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022**

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)
CTY TNHH KETTLE INTERIORS ASIA	1.372	3.453
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	448	1.587
CTY TNHH GIANG MINH	463	1.470
CTY CỔ PHẦN LAM VIỆT	259	1.395
CTY TNHH TIẾN HƯNG	671	1.351
CTY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TIẾN DẠT	478	1.310
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LAM SẢN KHANH HỘI 2	280	1.263
CTY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VA XNK SAVIMEX	384	959
CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THANH	397	934



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN LAM SÀN NAM ĐỊNH	271	929
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOANG PHAT	221	887
CTY TNHH PHU KHANG PHAT	107	808
CTY TNHH DỒ GỖ BÌNH DƯƠNG	220	792
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ THANH THANH	209	742
CTY CỔ PHẦN WOODSLAND	266	679
CTY CỔ PHẦN S FURNITURE	170	666
CTY TNHH RESPONSE VIỆT NAM	249	661
CTY TNHH SẢN XUẤT TM VÀ XÂY DỰNG THIEN PHAT	329	647
CTY TNHH MASTER SOFA INTERNATIONAL	316	611
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN	24	609
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU DỒ GỖ MỘC THIEN PHU	153	584
CTY CỔ PHẦN TẬP DOAN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THANH	69	582
CTY TNHH MỸ NGHỆ ĐẠI XUYEN	101	578
XI NGHIỆP THẮNG LỢI - CHI NHÁNH CTY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	164	542
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP QUAN YU VIỆT NAM	191	530
CTY TNHH THƯƠNG MẠI NHAN HOANG	92	515
CTY TNHH MỘT THANH VIÊN PHU TẠI ĐỒNG NAI	233	499
CTY TNHH PGT-RECLAIMED (VIỆT NAM)	141	482
CTY CỔ PHẦN DỒ GỖ PHUC THẮNG	141	480
CTY TNHH LAM NGHIỆP PHU KHANG THỊNH	91	471

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

## **Xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn giảm**

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn trong tháng 3/2022 đạt 314 triệu USD, giảm 8,9% so với tháng 3/2021. Trong 3 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 816 triệu USD, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2021.

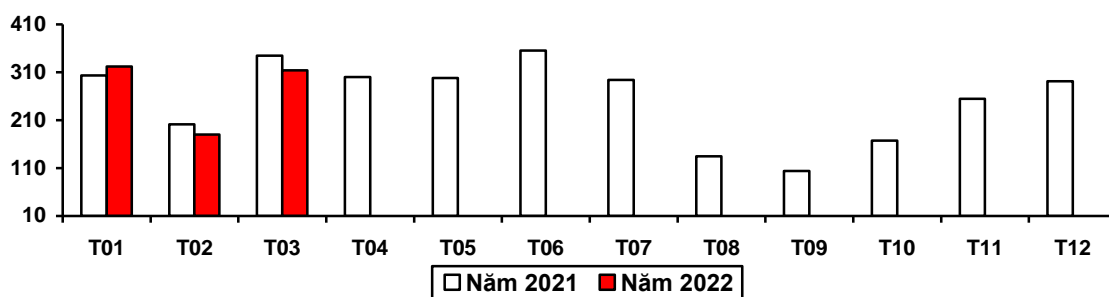
Kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát, nhiều quốc gia phải đối mặt với áp lực cung cầu, các cảng tắc nghẽn, giá vận chuyển, lạm phát gia tăng. Tình trạng thiếu hụt chuỗi cung ứng đã và đang làm gián đoạn thương mại toàn cầu. Trong bối cảnh đó, xung đột giữa Nga và Ucraina có thể gây tác động lớn đến lĩnh vực kinh tế, thương mại, trong đó có ngành gỗ, mặc dù xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Nga không lớn. Nga là nguồn cung gỗ xẻ lớn nhất trên thế giới, do đó xung đột giữa Nga và Ucraina khiến Việt Nam không thể nhập khẩu gỗ từ 2 thị trường này. Việc nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Âu cũng bị ảnh hưởng vì nguồn cung có hạn, giá gỗ nguyên liệu bị đẩy lên cao khiến chi phí sản xuất tăng lên, do thị trường EU giữ lại một phần lượng gỗ nguyên liệu để bù đắp do không nhập khẩu từ Nga. Bên cạnh đó, chi phí logistics tăng cao khiến cho chi phí hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng theo đã làm mất lợi thế cạnh tranh so với các nước trong khu vực châu Á

Để ngành gỗ nói chung và mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn xuất khẩu tăng trưởng khả quan trong thời gian tới, thì doanh nghiệp ngành gỗ nên hướng

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

khách hàng chuyển sang sử dụng gỗ rừng trồng trong nước thay vì gỗ nhập khẩu, để giảm thiểu chi phí nguyên liệu cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần tận dụng hiệu quả các lợi ích có được từ các Hiệp định Thương mại đã ký kết như EVFTA, CPTPP, RCEP, UKVFTA... để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu.

### Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn của Việt Nam qua các tháng năm 2021 – 2022 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan-ước tính tháng 3/2022

### Mặt hàng xuất khẩu

Trong 2 tháng đầu năm 2022, mặt hàng tủ và bàn là mặt hàng xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn. Kim ngạch xuất khẩu 2 mặt hàng này chiếm 80,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng tủ dùng trong phòng khách đạt 203,3 triệu USD, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là mặt hàng bàn dùng trong phòng khách đạt 198,2 triệu USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Ngoài ra, trong 2 tháng đầu năm 2022 còn một số mặt hàng dùng trong phòng khách và phòng ăn xuất khẩu nhưng kim ngạch chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ như: Bàn ăn, kệ, bàn cà phê, kệ sách, ghế...

### Mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn xuất khẩu trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022

Mặt hàng	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>179.860</b>	<b>-10,7</b>	<b>500.376</b>	<b>-0,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Tủ	73.906	-6,1	203.315	-3,3	40,6	41,7
Bàn	70.122	-1,7	198.229	8,6	39,6	36,2
Bàn ăn	10.305	-2,3	27.847	11,8	5,6	4,9
Kệ	8.801	12,8	23.162	4,1	4,6	4,4
Bàn cà phê	1.969	-38,4	5.774	-5,9	1,2	1,2
Kệ sách	2.054	2,8	5.334	9,7	1,1	1,0
Ghế	852	-71,0	2.896	-52,6	0,6	1,2
Bàn trà	669	-42,9	2.051	-8,5	0,4	0,4
Tủ sách	569	-35,4	1.888	-23,4	0,4	0,5
Tủ thờ	401	-5,1	1.178	-0,7	0,2	0,2
Tủ búp phê	161	-51,9	827	86,8	0,2	0,1
Bình phong	308	18,8	797	-4,2	0,2	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Thị trường xuất khẩu**

2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn tới thị trường Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất đạt 360,96 triệu USD, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là các thị trường khác nhưng tỷ trọng chỉ chiếm tỷ trọng thấp như EU đạt 50,5 triệu USD, tăng 2,5%; Nhật Bản đạt 23,9 triệu USD, tăng 6,7%; Anh đạt 18,7 triệu USD, tăng 26,5% ; Canada đạt 14,1 triệu USD, tăng 0,2%...

**Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn xuất khẩu tới các thị trường tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022**

Thị trường	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>179.860</b>	<b>-10,7</b>	<b>500.376</b>	<b>-0,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Mỹ	133.895	-9,7	360.960	-1,7	72,1	72,8
<b>EU</b>	<b>16.467</b>	<b>-18,6</b>	<b>50.535</b>	<b>2,5</b>	<b>10,1</b>	<b>9,8</b>
Pháp	3.930	-31,0	12.961	-6,4	2,6	2,7
Đức	2.315	-48,6	8.674	-10,9	1,7	1,9
Hà Lan	2.734	-3,3	7.557	13,7	1,5	1,3
Bỉ	1.733	70,4	5.172	33,1	1,0	0,8
Italia	1.047	-6,6	2.933	17,2	0,6	0,5
Tây Ban Nha	785	-44,7	2.788	-31,0	0,6	0,8
Thụy Điển	800	19,0	2.367	45,6	0,5	0,3
Đan Mạch	644	-28,4	2.240	24,6	0,4	0,4
Ai Len	727	9,9	1.712	17,7	0,3	0,3
Ba Lan	586	-15,4	1.437	-5,2	0,3	0,3
Bồ Đào Nha	383	1416,1	550	33,9	0,1	0,1
Hy Lạp	135	6,5	515	75,6	0,1	0,1
Croatia	267	516,9	369	92,4	0,1	0,0
Rumani	124	-0,3	338	13,0	0,1	0,1
Phần Lan	106	2,8	275	117,7	0,1	0,0
...						
Nhật Bản	8.441	12,1	23.899	6,7	4,8	4,4
Anh	5.822	-6,1	18.722	26,5	3,7	2,9
Canada	4.779	-7,9	14.185	0,2	2,8	2,8
Australia	2.727	-19,7	9.652	5,9	1,9	1,8
Hàn Quốc	1.762	-32,7	5.663	-24,6	1,1	1,5
Trung Quốc	946	20,7	1.903	-34,4	0,4	0,6
Đài Loan	518	19,5	1.622	9,7	0,3	0,3
New Zealand	311	-61,7	1.400	-28,2	0,3	0,4
Chilê	423	75,2	1.190	67,9	0,2	0,1
Malaysia	391	259,6	1.133	383,8	0,2	0,0
Campuchia	312	101,7	860	74,1	0,2	0,1
Ả rập Xê út	149	-72,9	766	-44,4	0,2	0,3
Mexico	77	-69,3	755	-8,8	0,2	0,2
Các TVQ Ả rập thống nhất	253	-35,4	727	-31,0	0,1	0,2

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
Thụy Sĩ	191	-63,5	607	-27,0	0,1	0,2
Jamaica	167	363,4	451	831,3	0,1	0,0
Nam Phi	161	54,5	439	110,8	0,1	0,0
Nga	84	-67,9	325	-34,8	0,1	0,1
Puerto Rico	15	-81,3	252	17,7	0,1	0,0
Hồng Kông	95	-35,9	246	8,5	0,0	0,0
Singapore	67	-13,8	224	-35,5	0,0	0,1
Thổ Nhĩ Kỳ	110	-61,2	219	-33,1	0,0	0,1
Indonesia	42	-36,3	176	-3,9	0,0	0,0
Libêria	80	344,8	157	769,7	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 29/3/2022 đến 5/4/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 391,2 triệu USD, giảm 8,7% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 276,2 triệu USD, giảm 7,7% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 177,6 triệu USD, giảm 9,7% so với tuần trước; thị trường Hồng Kông đạt 26,2 triệu USD, tăng 2,8%; Nhật Bản đạt 13,1 triệu USD, tăng 7,3%; thị trường Đài Loan đạt 8,3 triệu USD, tăng 11,7%; Anh đạt 6,3 triệu USD, giảm 8,2%...

**Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Tủ(3036742-1394)gỗ:gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ,Ván sợi(MDF),ván ép,ván lạng,ván dăm(PB) (1499*457*2362mm)	Cái	1	809,1	Cái Mép
	Ghế đã nhồi nệm(3005189-0000-A2CTPT00) gỗ: gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ,Ván sợi(MDF),ván ép (762*855*737mm)	Cái	2	730,6	Cái Mép
	Bàn(VT14980-50)gỗ:gỗ dương xẻ,gỗ cao su xẻ,sồi xẻ,Ván sợi (MDF),ván lạng(2743*1067*762mm)	Cái	5	682,2	Cái Mép
Đảo British Virgin	Bàn gỗ thông 1400mm x 700mm x 730mm	Cái	16	106,9	Cát Lái
	Tủ gỗ thông 900mm x 1600mm x 450mm	Cái	4	269,3	Cont Spitic
Đan Mạch	Ghế sofa gỗ thông 198*268*81cm	Bộ	1	538,7	Cát Lái
	Giường gỗ thông 2582 219*197*132cm	Bộ	7	320,7	Cát Lái
	Bàn ghế làm khung nhôm và gỗ Teak, có nệm, bàn ( 95*95*26 )cm, 1 ghế ( 92.5*92.5*72 ) cm, 2 ghế (195*92.5*72 ) cm	Bộ	38	570,0	Cont Spitic
Đức	Ghế dài bãi biển có lưng tựa và mái che trend 175XL, kích thước 135x76x167 cm gỗ Tràm	Cái	14	518,9	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi có 5 ngăn kéo (D.45 x W.91 x H.120cm)	Cái	10	162,0	Cát Lái
	Bàn gỗ tràm hiệu ATC- 038 kt: 90 x 90 x 35cm	Cái	40	220,1	Cont Spitic
	Tủ dùng trong văn phòng gỗ tràm bông vàng 160x45x140 cm	Cái	5	246,3	Tân Cảng
Ai Len	Tủ Gỗ Thông + Sồi)(KST-WD02/KD/2M)(1050X570X1980)mm	Cái	5	271,0	Cát Lái
	Bàn Gỗ Thông + Sồi)(KST-	Cái	5	261,0	Cát Lái

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	BA01.EXT/2M/B)(2300/1800X1000X800)mm				
	Giường gỗ sồi,thông-THP-SKS01-( 2270 x 1910 x 1250)mm	Cái	30	245,7	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 30601-001(750x2000x850mm)	Cái	62	271,3	Tân Cảng
	Ghế gỗ sồi 30606-001(450x2000x400mm)	Cái	17	104,1	Tân Cảng
Anh	Ghế gỗ SORRENTO LOUNGE CORNER / 206 (L1098xW1098xH798mm) Gỗ Teak	Cái	36	368,3	Cát Lái
	Kệ sách 5 tầng BOSTON 90x195x33cm gỗ sồi	Cái	51	209,6	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 10602-001 (760 x 1900 x 950mm)	Cái	58	389,8	Cont Spic
	Giường, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(2000x805x530)mm, đồ gỗ sử dụng trong Phòng ngủ gỗ sồi, gỗ thông	Cái	3	245,7	Cont Spic
	Tủ 3 cánh - PQT017, (1480x1930x650mm) gỗ sồi	Cái	32	537,5	Phước Long
Australia	Bàn gỗ sồi xẻ, sycamore, chân gang Wishbone Boule Dining Table 2.4m 2400*900*760mm	Cái	6	1.035,4	Cát Lái
	Tủ 6 hộc kéo gỗ sồi xẻ, poplar plywood, mdf, beech, chân gang Kulu Chest of 6 drawers 1200*500*795mm	Cái	9	688,5	Cát Lái
	Ghế gỗ sồi xẻ, hồ đào, beech, nệm bọc da Alma Chair V2 640*850*720mm	Cái	6	433,1	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi xẻ, poplar plywood, mdf, beech, khung sắt Neva Bookshelves 760*380*1895mm	Cái	7	374,0	Cát Lái
	Giường nôi 1263-5-FW WB (238892), qc: (1418x815x1200)mm, (Gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	32	363,9	Cát Lái
Belize	Tủ áo (48-3/7*19*62)"- Gỗ cao su, thông, ván pb, ván ép	Cái	6	253,3	Cái Mép
	Giường B1100 KE (2458*2134*1972)mm, gỗ dương	Bộ	19	301,9	Cát Lái
	Bàn 2150T-44108-T (2060*1185*200)mm, gỗ dương	Cái	20	250,7	Đồng Nai
	Nôi em bé (56 3/4**31 3/4** 51")- Gỗ dương, mdf	Cái	18	148,8	Vũng Tàu
Bỉ	Tủ CAIRO 49-UP-BAU trong nhà bếp gỗ trầm, quy cách 2250*410*1200mm	Cái	15	330,1	Phước Long
	Bàn chữ nhật, quy cách: (200/300x100xH75) cm, gỗ bạch đàn	Cái	160	186,5	Qui Nhơn
Các TVQ ở Rập thống nhất	Bàn (1605x1605x125)mm Gỗ sồi, mdf dán ván lạng	Cái	9	282,0	Cát Lái
	Giường nôi 1793 (1418x790x1226)mm, Gỗ dương xẻ, ván MDF	Cái	53	257,5	Cát Lái
	Ghế sofa 3 chỗ ngồi - gỗ trầm, ván ép, nệm mousse, bọc PU, quy cách (1970*780*580) mm.	Cái	25	110,3	Cát Lái
Canada	Ghế Sofa 2 chỗ, bọc da, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (65*40*40)"	Cái	12	340,4	Bà Rịa
	Giường Remix Queen Bed ( 1600 x 2235 x 1100 mm )gỗ cao su	Cái	40	241,0	Cát Lái
	Tủ 9 hộc kéo dùng cho phòng ngủ (1796*490-921)mm (gỗ óc chó xẻ, gỗ Beech xẻ, Ván MDF,Ván lạng)	Cái	1	547,0	KV.TP HCM
	Bàn Field round coffee A (COF-BC-005-002) (122 x 122 x 30.5H) cm Gỗ sồi trắng	Cái	30	273,0	Transimex
	Kệ tủ D647-76 (1905 x 711 x 398)mm, sơn 3 lớp ( gỗ cao su xẻ, gỗ trầm, ván P.B, ván MDF, ván ép, ván lạng)	Cái	12	100,6	Cái Mép
ấn Độ	Tủ : 68" x 22" x 41" gỗ thông,ván sơ ép,MDF,ván ép,ván lạng dán gỗ các loại(B647-131-1)	Cái	6	145,0	Cát Lái
	'Bàn:46" x 2" x 19" gỗ cao su, thông,tràm,ván sơ ép,MDF,ván ép,ván lạng gỗ cherry(T637-20A)	Cái	23	88,0	Cát Lái
	Ghế Sofa 3 chỗ, bọc da, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, khung sắt	Cái	17	327,4	Cont Spic

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	(85*40*40)"				
Hà Lan	Ghế (HELSINKI LOUNGE BENCH 2S 80X174X69CM) -Light Teak Look - gỗ keo	Cái	68	179,1	Phước Long
	Tủ Aida 3 ngăn (1026x400x767)mm của nhãn hiệu Hasena sử dụng trong phòng ngủ gỗ sồi	Cái	15	214,8	Tân Cảng
Hàn Quốc	Ghế sofa gỗ sồi xẻ, beech, chân gang màu đen, có nệm bọc da 2000*800*620mm	Cái	4	1.083,4	Cát Lái
	Tủ CMMW-3480 (3480x440x2100)mm gỗ tần bì, giấy phủ.	Cái	1	826,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 240X90X74 CM, Mã: MHO1008-L	Cái	15	501,0	Cát Lái
	Giường TBD-012Q (kt: 1670x1190x140)gỗ Oak, Pine & MDF	Cái	20	307,0	Cát Lái
	Kệ sách It's Me IJLB-3464J gỗ cao su (HĐ số: 0000111) và ván MDF; 805*305*1860 (mm)	Cái	30	78,0	Cát Lái
Hong Kong	CD2890 - Bàn (gỗ alder, xà cừ) (3600x1270x762)mm	Cái	1	10.409,3	Cát Lái
	Ghế 012237-AD - (có khung gỗ beech, đã nhồi nệm) (735x735x1125)mm	Cái	4	1.929,4	Bình Dương
	Tủ gỗ dán, sồi, dẻ gai, ván lạng, MDF, đá nhân tạo, kính(3048x610x2413mm)	Cái	1	2.978,5	KV.TP HCM
	Giường gỗ dán, dương, sồi, MDF, vải (2070x2438x2362mm)	Cái	1	3.518,6	Long Bình
Indonesia	Tủ D712-86 (1397 x 762 x 914)mm, sơn 3 lớp ( gỗ trầm, gỗ điều, gỗ thông, ván MDF,ván ép, ván PB, ván lạng)	Cái	50	186,2	Cont Spitec
	D712-25 #& Bàn D712-25 (1066 x 2184 x 762)mm, sơn 3 lớp ( gỗ cao su, gỗ trầm, gỗ điều, ván PB, ván MDF)	Cái	69	149,7	Cont Spitec
	Kệ tủ D647-76 (1905 x 711 x 398)mm, sơn 3 lớp ( gỗ cao su xẻ, gỗ trầm, ván P.B, ván MDF, ván ép)	Cái	20	118,4	Cont Spitec
Italia	Ghế (810X770X860)mm, nhãn hiệu: U030-066-CR151I Gỗ Thông	Cái	36	177,6	Cát Lái
	Bàn kéo giãn gỗ trầm đầu màu 230/320X110XH75CM	Cái	53	189,1	Qui Nhơn
	Ghế (870X910X910)mm, nhãn hiệu: U273-004-15EH Gỗ Thông	Cái	36	239,8	Transimex
Malaysia	Tủ 1829x521x1067mm-Gỗ thông xẻ-NK	Cái	20	260,5	Cát Lái
	Giường tầng gỗ thông - MWD2026 ( 2000x1480x1600 ) mm	Cái	164	191,0	Cát Lái
	Bàn 5546-84, nhãn hiệu 5546-84 (558.8*660.4*1016)mm,dùng trong nhà bếp gỗ cao su	Cái	64	164,5	Cái Mép
Mexico	Bàn ăn 66499((305 x 2) + 2032 x 914 x 762 )mm(gỗ sồi, bạch dương, ván lạng oak, ván lạng Poplar, ván MDF)	Cái	35	388,0	Cát Lái
	Tủ chén 5061701(1727 x 508 x 689 )mm(gỗ sồi, bạch dương, ván lạng oak, ván lạng Poplar, ván MDF)	Cái	35	349,0	Cát Lái
	Giường nôi 1793 (6578770), qc: (1418x790x1226)mm, ( Gỗ dương xẻ, ván MDF)	Cái	20	257,5	Cát Lái
Mỹ	Giường gỗ cao su (144 x 88 x 80)"	Cái	2	1.937,0	Cát Lái
	Ghế SOFA bọc da, khung gỗ thông, bạch đàn, bạch dương đã nhồi nệm quy cách: 2150*1000*800mm	Cái	5	1.368,0	Đồng Nai
	Tủ dùng trong phòng khách gỗ óc chó (183*52*86 cm)	Cái	1	1.845,0	Phước Long
	Bàn 491169-86L-CFW - (gỗ trầm bông vàng, sồi, beech) (2192x1168x772)mm	Cái	2	1.665,2	Cái Mép
	Kệ đờc gỗ sồi, gỗ cao su, plywood, mdf, veneer(102 x 21 x 77)" / GST-617-L-CG	Cái	15	806,0	Bình Dương
Na Uy	Tủ 12 ô kéo gỗ Thông( 1700 - 420 - 850) mm - VD04.06 black	Cái	16	279,0	Đồng Nai

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn Console 3 hộc kéo - gỗ thông( 1300 - 420 - 850) mm	Cái	14	161,0	Đồng Nai
New Zealand	Tủ gỗ sồi,thông-FRD-WD02/V3P-(950 x 500 x 1650)mm	Cái	15	279,3	Cát Lái
	GIƯỜNG SAFARI TENT 1100*2070MM- ván MDF, gỗ thông	Cái	5	253,4	Cát Lái
	Bàn ăn gỗ sồi Kích thước (2000 x 900 x 790)mm- Mã sản phẩm : ESR-FTDT007	Cái	55	171,6	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi nhập khẩu - Kích thước (900 x 400 x 1600)mm- Mã sản phẩm: ESR-BC004	Cái	10	160,0	Cát Lái
Nhật Bản	Tủ MOEBIUS - 140 OP gỗ cao su,(1393x500x2000)mm	Bộ	30	250,3	Cát Lái
	Giường LN-1934 (2570*1040*1360)mm gỗ thông	Cái	38	215,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi xẻ Siku Low Table (ZATAKU) 1500*900*400mm	Cái	11	440,0	Cont Spitic
	Ghế sofa LS80102A gỗ sồi có nệm bọc da bò. Kích thước: 1880*930*775mm	Cái	5	1.002,5	Tân Cảng
Pháp	Tủ NAB2 - gỗ thông, kích thước (348x45x245)cm	Cái	1	1.544,7	Cát Lái
	Giường PPL9/PPLV - gỗ thông, kích thước (212.5x109.5x171)cm	Cái	1	535,0	Cát Lái
	Kệ DSS1 - gỗ thông & ván MDF, kích thước (140x240x44)cm	Cái	2	499,7	Cát Lái
	Bàn DTD1 - gỗ thông & MDF, kích thước (195x130x76)cm	Cái	4	481,9	Cát Lái
	Ghế bọc da khung gỗ cao su CAA.25C-C5 (1400x920x740)mm	Cái	5	614,3	Phước Long
Puerto Rico	Ghế Sofa 3 chỗ, bọc vải, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	10	374,3	Cát Lái
	Tủ cửa B5490-13 gỗ cao su,gỗ trầm(1118x508x1521)mm	Cái	11	272,2	Cát Lái
Tây Ban Nha	Bàn gỗ bạch đàn FSC, (2400x989x746)mm	Cái	89	111,0	Cát Lái
	Kệ Anton Shelving (900x350x1900)mm, sp gỗ sồi	Cái	25	177,7	Cont Spitic
	Tủ Walnut Tv Unit, 1 Drawer, 2 Doors (1800 x 450 x 500)mm, sp gỗ óc chó	Cái	48	162,0	Cont Spitic
Thụy Điển	Kệ Tủ Gỗ Sồi + MDF: AIR SIDEBBOARD BLACK (1200x400x815)mm	Cái	20	315,0	QT SP-SSA(SSIT)
	ILD029: Tủ búp-phê (đã sơn) gỗ thông, quy cách 915mm x 1830mm x 455mm	Cái	18	242,6	Tân Cảng
Trung Quốc	Giường (mã hàng 015-03775-1, 3806, 07, 777) QC (1638x2110x1000)mm gỗ sồi, gỗ thông	Bộ	67	233,0	Cái Mép
	Tủ (gỗ trầm bông vàng, sồi) (1270x534x864)mm	Cái	3	1.197,6	Cát Lái
	Bàn (gỗ trầm bông vàng, sồi, beech) (1524x813x406)mm	Cái	16	556,9	Cát Lái
	Ghế sofa 4 chỗ ngồi (2500x805x990)mm (làm gỗ xà cừ)	Cái	34	258,0	Cát Lái
	Kệ sách thấp 800x320x900mm, gỗ sồi, thông	Cái	15	86,6	Cont Spitic
Xâysen	Bàn trang điểm,màu đen, size:1491x440x872mm, ltem: F2008-DR (B209 D), ván MDF, gỗ cao su	Cái	12	108,9	Đồng Nai
	Tủ (gỗ), ltem: 500-V72-HON gỗ dương, bạch dương, gỗ dán plywood, kích thước: 1829*597*868mm	Cái	16	528,7	Long Bình
	Giường em bé, ltem: 17103733, gỗ dương, MDF, kích thước: 1557*803*1219mm, dùng trong phòng ngủ	Cái	85	164,9	Transimex
Xamoa	Tủ áo (66 3/7 x 20 1/4 x 42 1/2) inch gỗ trầm xẻ sấy	Cái	40	483,0	Cái Mép
	Bàn (gỗ) (42 x 42 x 18) inch làm gỗ trầm xẻ sấy	Cái	10	149,4	Cái Mép
	Ghế ( gỗ) (22 5/16 x 26 x 42) inch gỗ trầm xẻ sấy	Cái	250	133,2	Cái Mép

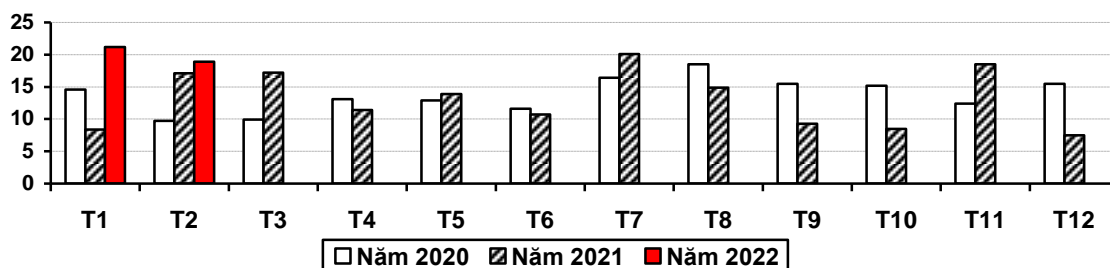
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu tăng mạnh về lượng

Nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 3/2022 ước đạt 55,7 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 21,7 triệu USD, tăng 15,1% về lượng và tăng 15,2% về trị giá so với tháng 02/2022; so với tháng 3/2021 tăng 32,7% về lượng và tăng 26,3% về trị giá. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ lim ước đạt 154,2 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 61,8 triệu USD, tăng 47,8% về lượng và tăng 44,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

### Trị giá nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu của Việt Nam từ năm 2020 - 2022

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 02/2022 đạt 48,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 18,9 triệu USD, giảm 3,2% về lượng và giảm 10,8% về trị giá so với tháng 01/2022; tuy nhiên so với tháng 02/2021 tăng 15,9% về lượng và tăng 10,6% về trị giá. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ lim đạt 98,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 40,0 triệu USD, tăng 57,9% về lượng và tăng 57,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

#### + Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, 2 tháng đầu năm 2022 nhập khẩu gỗ lim tròn về Việt Nam đạt khối lượng 57,1 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 21,6 triệu USD, tăng 52,5% về lượng và tăng 51,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Còn nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu loại xẻ đạt 39,9 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 18,0 triệu USD, tăng 60,2% về lượng và tăng 60,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

#### Tham khảo nhóm gỗ lim nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	2 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ tròn	57.111	21.581	377,9	52,5	51,7	-0,5
Gỗ xẻ	39.866	18.001	451,5	60,2	60,4	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

#### + Về giá nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, giá nhập khẩu bình quân chủng loại gỗ lim nguyên liệu trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 406,6 USD/m<sup>3</sup>, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, giá nhập khẩu từ thị trường Côngô đạt 475,4 USD/m<sup>3</sup>, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2021; giá nhập khẩu từ Nigêria đạt 234,0 USD/m<sup>3</sup>, giảm 8,6%. Trái lại, giá nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Camêrun đạt 405,9 USD/m<sup>3</sup>, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2021.



**+ Về thị trường nhập khẩu:**

2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu của Việt Nam tăng từ các thị trường Camêrun, Trung Quốc, Nigieria, Hồng Kông, Lào, Thái Lan... Trong đó;

Nhập khẩu gỗ lim từ Camêrun lớn nhất chiếm 72,1% tổng lượng nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 71,0 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 28,8 triệu USD, tăng 58,8% về lượng và tăng 64,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tiếp theo, nhập khẩu gỗ lim từ Trung Quốc đạt 4,62 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 2,2 triệu USD, tăng mạnh 6.345,4% về lượng và tăng 4.380,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu gỗ lim từ Nigieria đạt 3,85 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 902 nghìn USD, tăng 403,6% về lượng và tăng 360,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Ngoài ra, nhập khẩu từ một số khác trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 tuy nhiên trị giá thấp như; từ Hồng Kông tăng 211,6% về lượng; Lào tăng 407,7%; Thái Lan tăng 4.917,0%; Singapore tăng 2.352,6%...

Trái lại, nhập khẩu từ một số thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2021 như; từ Gabông giảm 17,0%; Côngô giảm 33,1%; Gana giảm 38,5%; Ăngôla giảm 42,7%; EU giảm 2,3%....

**Thị trường cung cấp gỗ lim cho Việt Nam 2 tháng đầu năm 2022**

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>98.435</b>	<b>40.025</b>	<b>406,6</b>	<b>57,9</b>	<b>57,1</b>	<b>-0,5</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Camêrun	70.971	28.808	405,9	58,8	64,9	3,8	72,1	71,7
Gabông	4.821	1.512	313,7	-17,0	-44,1	-32,6	4,9	9,3
Trung Quốc	4.621	2.172	470,1	6.345,4	4.380,5	-30,5	4,7	0,1
Côngô	4.416	2.099	475,4	-33,1	-35,5	-3,6	4,5	10,6
Nigieria	3.854	902	234,0	403,6	360,3	-8,6	3,9	1,2
Hồng Kông	2.778	1.027	369,7	211,6	385,6	55,8	2,8	1,4
Lào	2.257	1.693	750,0	407,7	407,7	0,0	2,3	0,7
Thái Lan	1.457	443	304,0	4.917,0	3.712,9	-24,0	1,5	0,0
Singapore	991	480	485,0	2.352,6	2.255,3	-4,0	1,0	0,1
Campuchia	579	144	249,2	6,8	-0,8	-7,2	0,6	0,9
Gana	474	174	367,9	-38,5	-23,0	25,2	0,5	1,2
Đảo British Virgin	430	316	735,7	54,4	56,6	1,5	0,4	0,4
Ăngôla	305	86	281,0	-42,7	-64,0	-37,0	0,3	0,9
Equatorial Guinea	115	25	220,0				0,1	0,0
<b>EU</b>	<b>101</b>	<b>58</b>	<b>575,6</b>	<b>-2,3</b>	<b>15,3</b>	<b>18,0</b>	<b>0,1</b>	<b>0,2</b>
Áo	42	27	634,4				0,0	0,0
Đan Mạch	38	23	605,0	-35,5	-35,7	-0,4	0,0	0,1
Rumani	21	9	405,0	-52,8	-42,1	22,7	0,0	0,1
...								
Môdambic	88	22	250,0				0,1	0,0
Kenya	46	12	260,0				0,0	0,0
Libêria	40	10	255,0	-25,9	-27,1	-1,6	0,0	0,1
Li Băng	36	16	461,0				0,0	0,0
Côlômbia	35	20	558,3	-93,8	-93,0	12,2	0,0	0,9

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2T/2022	2T/2021
Nam Phi	20	4	200,0					

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

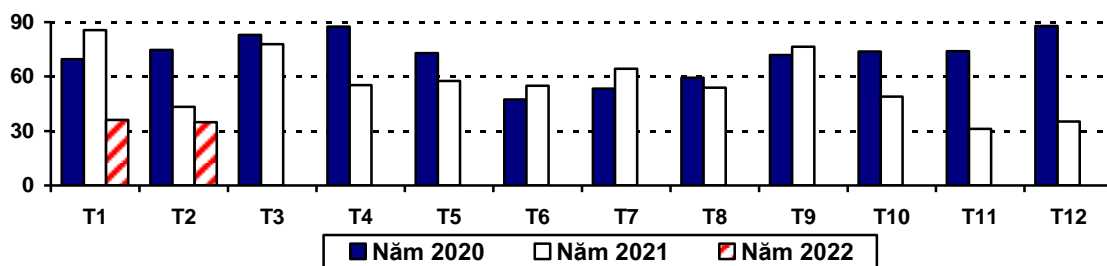
## Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ giảm mạnh

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Mỹ về Việt Nam trong tháng 02/2022 đạt 34,86 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 14,2 triệu USD, giảm 3,5% về lượng và giảm 22,1% về trị giá so với tháng 01/2022; giảm 19,5% về lượng và giảm 12,1% về trị giá so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ đạt xấp xỉ 71 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 32,4 triệu USD, giảm 44,9% về lượng và giảm 34,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nguyên nhân nhập khẩu nguyên liệu từ Mỹ vào Việt Nam giảm là do nhu cầu về xây dựng cơ bản của Mỹ tăng cao, trong đó có nguyên liệu gỗ. Với gói kích cầu của chính quyền của Tổng thống Mỹ Joe Biden, nhu cầu nội địa của Mỹ tăng cao đặc biệt trong việc xây dựng nhà gia tăng, khiến giá gỗ nguyên liệu tại Mỹ tăng cao. Thêm vào đó, vào tháng 11/2021, Chính phủ Mỹ tăng mức thuế gỗ xẻ nhập từ Canada – nguồn cung gỗ xẻ hàng đầu (trên 30 triệu m<sup>3</sup>/năm) cho Mỹ từ 8,99% lên 18%, điều này càng đẩy giá gỗ xẻ tăng mạnh. Theo đại diện Công ty Oak Valley Hardwood, Inc chuyên phân phối gỗ Mỹ tại Việt Nam, trong thời điểm hiện tại các nhà cung cấp gỗ tại Mỹ mong muốn bán hàng nội địa nhiều hơn là bán hàng về châu Á bởi họ lo ngại những rủi ro về vận tải cũng như mức giá bán. Giá gỗ xây dựng tại Mỹ đã tăng 4 lần kể từ đầu năm 2020 đến cuối năm 2021, sang đầu năm 2022 lại tiếp tục tăng cao. Các nhà cung gỗ xẻ của Mỹ chuyển sang xẻ gỗ thông, thay vì xẻ gỗ sồi, đáp ứng nhu cầu gỗ xây dựng tăng rất cao. Các nước khác cũng đẩy mạnh xuất khẩu gỗ thông vào Mỹ, bao gồm New Zealand và Chile, đẩy giá bán loại gỗ này tăng lên mức cao hơn trên thị trường toàn cầu. Giá gỗ sồi tròn Mỹ đã tăng từ 10-15% tùy từng khu vực khai thác tại Mỹ. Dự báo, giá gỗ xẻ tại thị trường Mỹ sẽ tiếp tục tăng trong năm 2022

Nhu cầu nhập khẩu gỗ của Việt Nam từ những thị trường có tính pháp lý cao như Mỹ là rất cao, để đáp ứng tốt các quy định về tính hợp pháp của sản phẩm, nhất là khi Việt Nam đã ký Hiệp định Đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản lý rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) với EU. Nếu dịch Covid-19 trên thế giới được kiểm soát, giá cước vận tải và giá gỗ xẻ giảm thì nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Mỹ sẽ tăng trở lại.

**Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ (nghìn m<sup>3</sup>)**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Chủng loại nhập khẩu chính:**

2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ giảm là do nhập khẩu gỗ xẻ giảm mạnh; ngược lại, nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ tăng so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể:

- **Gỗ xẻ:** Theo thống kê, nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ trong tháng 02/2022 đạt 16,80 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 10,57 triệu USD, giảm 24,1% về lượng và giảm 26,6% về trị giá so với tháng 01/2022; giảm 38,4% về lượng và giảm 8,4% về trị giá so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ xẻ từ Mỹ đạt 38,94 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 24,97 triệu USD, giảm 57,1% về lượng và giảm 33,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Từ cuối năm 2020 đến nay, giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ từ Mỹ về Việt Nam liên tục tăng. 2 tháng đầu năm 2022, giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ từ Mỹ ở mức 641 USD/m<sup>3</sup>, tăng 55,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Gỗ dương và gỗ sồi là 2 loài gỗ xẻ được nhập khẩu nhiều nhất từ Mỹ về Việt Nam, chiếm 71% tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2022. Nhập khẩu gỗ dương xẻ đạt 14,57 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 6,22 triệu USD, giảm 61,9% về lượng, giảm 52,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu gỗ sồi xẻ đạt 13,13 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 9,52 triệu USD, giảm 52,5% về lượng và tăng 31,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Giá nhập khẩu hầu hết các chủng loại gỗ xẻ từ Mỹ về Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm 2021: giá gỗ dương xẻ ở mức 427 USD/m<sup>3</sup>, tăng 23,9%; giá gỗ sồi tăng 45,2%; giá gỗ óc chó tăng 81,4%; giá gỗ trăn tăng 89,9%...

- **Gỗ tròn:** Nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam trong tháng 02/2022 đạt 18,06 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 3,62 triệu USD, tăng 29,1% về lượng, nhưng giảm 5,2% về trị giá so với tháng 01/2022; tăng 50,9% về lượng và tăng 10,5% về trị giá so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ đạt 32,06 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 7,44 triệu USD, tăng 17,3% về lượng, nhưng giảm 14,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ về Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng chủ yếu là do nhập khẩu gỗ thông tròn tăng mạnh, đạt 18,86 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 2,19 triệu USD, tăng 111,0% về lượng và tăng 125,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021; đóng góp 209,6% vào mức tăng nhập khẩu gỗ tròn từ Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2022.

Trái ngược với các loài gỗ tròn trên, nhập khẩu gỗ sồi tròn và gỗ dương tròn từ Mỹ về Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2022 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2021: nhập khẩu gỗ sồi tròn giảm 15,6% về lượng và 27,8% về trị giá; nhập khẩu gỗ dương tròn giảm 58,7% về lượng và giảm 61,9% về trị giá.

**Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ trong tháng 2/2022 và 2 tháng đầu năm 2022**

(Lượng: m<sup>3</sup>; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 02/2022		So với tháng 01/2022 (%)		So với tháng 02/2021 (%)		2 tháng đầu năm 2022		So với 2 tháng đầu năm 2021 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>		<b>34.864</b>	<b>14.191</b>	<b>-3,5</b>	<b>-22,1</b>	<b>-19,5</b>	<b>-12,1</b>	<b>70.997</b>	<b>32.409</b>	<b>-44,9</b>	<b>-34,6</b>
<b>Gỗ xẻ</b>	Dương	7.487	3.132	5,6	1,3	-29,7	-16,0	14.574	6.223	-61,9	-52,8
	Sồi	4.788	3.622	-42,6	-38,6	-49,8	-25,2	13.128	9.518	-52,5	-31,0
	óc chó	1.404	2.187	-23,4	-21,2	-3,5	74,7	3.237	4.964	-27,1	32,2

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 02/2022		So với tháng 01/2022 (%)		So với tháng 02/2021 (%)		2 tháng đầu năm 2022		So với 2 tháng đầu năm 2021 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
	Thích	482	273	-34,0	-43,4	-35,1	15,6	1.211	757	-58,3	-24,6
	Trần	545	301	-10,0	0,1	-54,8	-10,3	1.150	602	-71,4	-45,7
	Hồ đào	74	63	-86,3	-83,2	-80,7	-62,6	617	437	-10,4	53,0
	Đoạn xẻ	83	47	-76,2	-67,6	-	-	431	191	38,7	43,0
	Tần bì	221	155	14,2	3,1	-77,0	-63,5	415	306	-88,1	-79,9
	Thông	40	16	-83,4	-75,8	-97,0	-93,1	279	81	-89,4	-83,9
	Anh đào	97	59	-43,9	-39,0	-41,7	15,7	270	156	-79,2	-63,4
	<b>Tổng</b>	<b>16.800</b>	<b>10.569</b>	<b>-24,1</b>	<b>-26,6</b>	<b>-38,4</b>	<b>-8,4</b>	<b>38.939</b>	<b>24.965</b>	<b>-57,1</b>	<b>-33,4</b>
Gỗ tròn	Thông	12.673	1.416	104,8	82,8	135,0	142,4	18.859	2.191	111,0	125,6
	Sồi	2.726	1.086	-50,6	-50,5	-32,4	-36,4	8.243	3.280	-15,6	-27,8
	Hồ đào	1.035	266	68,9	60,4	93,7	40,6	1.648	431	142,8	64,3
	Dương	574	140	32,7	46,1	-38,8	-37,2	1.006	235	-58,7	-61,9
	óc chó	385	434	46,3	121,5	62,8	76,7	648	630	-46,5	-19,7
	Bồ đề	198	60	-6,1	-6,1	-	-	410	123	818,4	891,8
	Anh đào	29	22	-84,8	-84,8	-74,6	-76,8	217	169	-17,7	8,3
	Thích	21	35	-	-	19,3	26,7	21	35	19,3	26,7
	Tần bì	7	2	-36,7	93,0	-97,3	-95,5	17	3	-98,9	-99,1
	<b>Tổng</b>	<b>18.064</b>	<b>3.622</b>	<b>29,1</b>	<b>-5,2</b>	<b>50,9</b>	<b>10,5</b>	<b>32.058</b>	<b>7.443</b>	<b>17,3</b>	<b>-14,2</b>

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Tham khảo một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Mỹ đạt trị giá cao trong 2 tháng đầu năm 2022**

Doanh nghiệp nhập khẩu	2T/2022 (nghìn USD)	So với 2T/2021 (%)
CTY TNHH A & J PRODUCTS	3.776	109,7
CTY TNHH GỖ PHƯƠNG ĐÔNG	1.305	14,4
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT KHẢI VY QUY NHƠN	1.127	74,9
CTY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TIẾN ĐẠT	842	-41,5
CTY TNHH TIMBER INDUSTRIES	821	44,7
CTY TNHH STICKLEY INTERNATIONAL	768	52,6
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP QUAN YU VIỆT NAM	697	-31,8
CTY TNHH GỖ LIAN CHUEN	599	-76,2
CTY TNHH INTERWOOD VIỆT NAM	586	39,2
CTY TNHH EIDAI VIỆT NAM	515	1.768,6
CHI NHÁNH CTY TNHH ĐẦU TƯ QUẢN LÝ TRIỆU VƯỢNG VIỆT NAM	514	-
CTY TNHH GỖ VIỆT NAM VIỆT TRIỂN	471	-
CTY TNHH MỸ LÂM	455	-17,2
CTY TNHH THÀNH NGHIỆP	453	631,7
CTY TNHH VINAWOOD	451	-52,0
CTY TNHH CHẾ BIẾN GỖ PHÚ SÂN	439	-51,4
CTY TNHH TM DỊCH VỤ XÂY DỰNG SẢN XUẤT TRIỆU PHÚ LỘC	423	307,9
CTY CỔ PHẦN LEGAL FURNITURE	421	17,5
CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT SAO NAM	415	376,0
CTY TNHH KINGWOOD CANDY (VIỆT NAM)	383	-68,3
CTY TNHH ISSEIKI FURNITURE (VIỆT NAM)	377	511,2
CTY TNHH GIẤY LIANN WAN (VIỆT NAM)	375	64,3
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	374	24,6

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Doanh nghiệp nhập khẩu	2T/2022 (nghìn USD)	So với 2T/2021 (%)
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP HONG SHENG (VIỆT NAM)	346	-
CTY TNHH RESPONSE VIỆT NAM	344	40,7
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ HOÀNG GIA	342	44,2
CTY TNHH GỖ VIỆT QUANG	333	2,5
CTY CỔ PHẦN GREATREE INDUSTRIAL	325	107,0

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 29/3/2022 đến 05/4/2022

Trong tuần từ ngày 29/3/2022 đến 05/4/2022, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 63,4 triệu USD, tăng 7,0% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ các thị trường tăng so với tuần trước như: từ Trung Quốc tăng 28,3%; Mỹ tăng 50,9%; Thái Lan tăng 7,1%; Pháp tăng 146,7%; UAE tăng 5.451,6%; Đan Mạch tăng 496,3%; Italia tăng 203,3%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Hồng Kông giảm 22,3%; Lào giảm 43,1%; Braxin giảm 12,5%; Chilê giảm 10,1%; New Zealand giảm 6,7%; Đức 10,6%...

### Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 29/3/2022 đến 05/4/2022

Thị trường	Tuần từ ngày 29/3/2022 đến 05/4/2022 (nghìn USD)	So với tuần trước (%)
<b>Tổng</b>	<b>63.379</b>	<b>7,0</b>
Trung Quốc	19.188	28,3
Hồng Kông	7.402	-22,3
Mỹ	5.348	50,9
Lào	3.530	-43,1
Thái Lan	2.921	7,1
Pháp	2.234	146,7
UAE	1.894	5.451,6
Braxin	1.880	-12,5
Đan Mạch	1.848	496,3
Đài Loan	1.385	-19,1
Chilê	1.269	-10,1
Singapore	1.234	-50,0
New Zealand	1.007	-6,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 29/3/2022 đến 05/4/2022

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã- GH
Gỗ óc chó xẻ 4/4 2C, dày 25.4 mm, dài: 1.8-4.3 m	28	1.129,9	Mỹ	Cont Spite	CIF
Gỗ óc chó xẻ dày 8/4 inch, dài 7 feet, rộng 9 inch	45	1.300,0	Canada	Hải Phòng	CIF
Gỗ bạch đàn (đk từ 310mm - 500mm, dài từ 5m -11m)	95	144,8	Australia	Cát Lái	CFR
Gỗ bạch đàn tròn Dia 30-39cm, Length 3.2-5.8m	52	156,5	áo	Quy Nhơn	CIF
Gỗ bạch dương xẻ sậy 22mm x 100mm & x D 2m &	19	355,0	áo	Cát Lái	CFR
Gỗ bạch dương xẻ sậy D25mm x R100mm+ D 1,8m	134	360,5	Thụy Điển	Cát Lái	CIF

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ bạch dương xẻ, dày 22mm,dài 1000-3000mm, rộng 80-300mm	146	470,0	Nga	Cát Lái	CIF
Gỗ bồ đề xẻ 8/4(r: 76.2-584.2; d: 914.4-4876.8)mm	45	335,0	Nga	Cát Lái	CIF
Gỗ căm xe xẻ độ dày trên 6mm	1	600,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ cao su xẻ - 66 x 66 x 590 mm	8	540,2	Indonesia	Cát Lái	FOB
Gỗ cao su xẻ (22mm x (50.8-76.2)mm x (1100-1300)mm	163	335,1	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ (22mm x (50.8-76.2)mm x 1300mm	244	265,8	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ dương tròn (đk: phi 305-762;dài: 2438.4-5487)mm	143	252,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ (25.4 x 76.2~431.8mm x 2743.2~4876.8mm)	37	415,0	Belize	Cái Mép	CIF
Gỗ dương xẻ sậy dày 25mm	3	355,0	Xamoa	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sậy dày 50mm x 100mm & x 2m	33	263,9	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sậy, dày 38mm: dài 2,2m	32	350,0	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sậy, thickness: 32mm	16	348,6	Ba Lan	Cát Lái	CFR
Gỗ gỗ đẽo dài 2.2m, rộng 25cm, dày 25cm	24	250,0	Anh	Cont Spite	FOB
Gỗ gỗ đẽo dài từ 240cm, rộng 25cm, dày từ 25cm	20	240,0	ấn Độ	Đình Vũ	FOB
Gỗ gỗ đẽo dài từ 260cm, rộng 50cm, dày từ 50cm	20	300,0	ả Rập Xê út	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ đẽo dày từ 38cm, rộng 41cm, dài từ 260cm	20	270,0	UAE	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dác dày trên 25cm, rộng trên 25 cm, dài trên 2.0 m	24	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dài từ 3.20-9.8m, đk 40-79cm	16	888,9	Đan Mạch	Nam Hải	CIF
Gỗ gỗ dày từ 20cm; rộng 25cm; dài 200cm	40	185,0	ấn Độ	Cont Spite	FOB
Gỗ gỗ xẻ thô, dài: 110CM, rộng: 14CM, dày: 14CM	41	259,0	Uganda	Nam Hải	CFR
Gỗ gỗ xẻ, dày (40 - 62) cm, rộng (44 - 65) cm, dài (200 - 300) cm	22	190,0	Dambia	Đình Vũ	FOB
Gỗ giá ty (90-99 cm*2.5-3.5 m)	11	549,0	Côxta Rica	Cát Lái	CIF
Gỗ hương đá xẻ, dài từ 2.20m - 2.50m, rộng 0.25m - 0.60m, dày từ 0.12m - 0.16m	20	222,0	Dambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương D (35-77)cm x L (200-495)cm	23	500,0	Thái Lan	Cảng Xanh	CIF
Gỗ hương xẻ dày 4cm, rộng 15cm, dài 50cm	399	261,5	Gabông	Hải Phòng	CFR
Gỗ hoàng dương xẻ (25.4) mm x (76.2-533.4) mm x (3352.8-4267.2) mm	44	478,8	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lim (210x14x40)cm	25	200,0	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim đẽo vuông thô dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm dài trên 2m	24	169,0	Hồng Kông	Đình Vũ	FOB
Gỗ lim dài 210-280cm, rộng: 45-61cm, dày: 40-56cm	20	250,0	Dambia	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 9.7-11.8M, đk: 71-84CM	20	468,4	Italia	Nam Hải	FOB
Gỗ lim dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm dài trên 2m	24	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm dài trên 2m	24	170,0	Trung Quốc	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim rộng 50-78cm, dày 35-62cm, dài 241 -280cm	20	210,0	Hồng Kông	Nam Hải	FOB
Gỗ lim xanh xẻ dày 21-69cm, rộng: 35-71cm, dài: 220cm	90	250,0	Campuchia	Tân Cảng	C&F
Gỗ lim xẻ dày 40 mm. rộng 40 mm. dài 0.8-1.6 m	13	484,7	Soadilen	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dày từ: 28-54 cm, rộng: 32-60 cm, dài từ 262 cm	20	500,0	Anh	Hải Phòng	C&F
Gỗ linh sam xẻ (22 x 150 x 3000-5400)mm	83	360,0	Đài Loan	Cont Spite	CPT
Gỗ mun xẻ độ dày trên 6mm	8	2.000,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ pơmu tròn Nhật ĐK 16-20 cm dài 2.0m	19	459,3	Nhật Bản	Cát Lái	FOB
Gỗ sồi đỏ tròn đk 40cm, dài 4,6m	28	270,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ sồi đỏ xẻ dày 20 mm, dài 2500 mm, rộng 150mm	49	447,9	Đức	Nam Hải	CIF
Gỗ sồi đk: 35cm- 60cm; dài: 2.9m-9.3m	24	480,7	Croatia	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi sẻ 27mm x 2000mm x 100mm	66	764,7	Rumani	Cát Lái	CFR
Gỗ sồi trắng xẻ 20-52mm x 120-400mm x 1500-5000mm	29	500,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ sậy100-500x2000-4300mm, dày 38 mm	25	589,8	áo	Cát Lái	CIF

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ sồi xẻ (27x100upx2000up)mm	137	955,9	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ dày: 22mm, mặt rộng: 10-40cm, dài: 1.3m-3.8m	27	578,9	Italia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ dày: 26 mm, dài từ 2.0 m	19	633,7	Slovenia	Cont Spite	CFR
Gỗ sồi xẻ sấy dày 26 mm, dài (1,000 - 3,000) mm	27	211,8	Mỹ	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy dày: 26mm. dài: (2,1-5)m	29	524,5	Anh	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy, (180-390)cm x (1000+)mm x 26 mm	25	617,1	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì đk từ 30-39cm, dài từ 2.3m	28	182,4	CH Séc	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì dài: 3.0M, đk: 30CM	112	218,5	Đức	Cảng Xanh	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3 M, đk 30-39cm	38	174,3	Hồng Kông	Nam Hải	CIF
Gỗ tần bì tròn, dài từ 2.5m, đk từ 30-39cm	122	182,4	Pháp	Nam Hải	CIF
Gỗ tần bì xẻ dày 20mm, dài từ 1500-3000mm, rộng 10-50 cm	52	480,0	Đan Mạch	Nam Hải	CIF
Gỗ tần bì xẻ sấy 18mm x100/130mm dài từ 1.0m up	5	900,7	Ukraina	Cát Lái	C&F
Gỗ thông đã xẻ 15 x 140 x 1800mm	102	220,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông tròn Đk:16-20cm, dài 5.8m	536	70,0	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Gỗ thông tròn Đk:18-20cm,dài 5.8m	452	70,0	Mỹ	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ (19 x 75 x 3000-5100 )mm	118	330,0	Estonia	Phú Hữu	CIF
Gỗ thông xẻ (22~32*75~200*2100~3600)mm	98	300,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (22x75-175x2050-2500)mm	48	285,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (25 x 125 x 2250mm)	15	294,9	Anh	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (40*30)cm*3000mm	4	445,7	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (dài: 1800mm, rộng: 140mm, dày: 15mm)	48	250,0	Anguila	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ 15mm x 100; 140mm x 1.8m	102	207,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 18mm x 50mm x 1600mm - 2450mm	363	215,0	Malaysia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 45 x 100 - 180mm, dài 1,95 - 4 m	139	270,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ dày 22mm x rộng 75-150mm x dài 1.8m-3m	155	225,0	Xamoa	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy 32mm x 75-150mm x 2.13-3.96mm	139	300,0	Achentina	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 38mm, dài 3m, rộng 150mm	22	290,0	Belize	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày: 44mm. dài (3600-5400)mm	213	315,0	Phần Lan	Cát Lái	CPT
Gỗ trần 25mm x100/130mm dài từ 1.0m up	21	800,2	Ukraina	Cát Lái	C&F
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 30cm; dài 5,7m	314	177,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn, dài 5,6m, đk 32cm	139	170,0	Braxin	Quy Nhơn	CIF
Gỗ vân sam dày22mm x rộng125-150 x dài 3000-6000mm	139	310,0	Látvia	Cont Spite	CIF
Gỗ vân sam xẻ 32mm x 125-150mm x 3000-5400mm	82	305,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam xẻ sấy dày 22 mm, dài 4,80 m - 6,00 m	49	350,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam xẻ, sấy(100x22x3000-4800)mm	49	330,0	Thụy Điển	Cont Spite	C&F
Gỗ xẻ: gỗ thông. dày 15mm, rộng 140mm, dài 1.8-2.4m	107	220,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ xoan đào tròn ĐK 30 cm dài 1.5m	1	482,6	Nhật Bản	Cát Lái	FOB
Ván dăm (E1 - 15.00mm x 1220mm x 2440mm)	370	214,5	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Ván dăm PB - (15x1220x2440)mm	535	198,0	Belize	Cát Lái	CFR
Ván ép (2.7mmx610x1220mm)	11	780,1	Indonesia	Cát Lái	C&F
Ván gỗ thông xẻ 19x95x3660mm	17	290,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Ván MDF (12 x 1220 x 2440)mm	33	300,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván mdf (15*1220*2440)mm	500	215,0	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Ván MDF độ dày không quá 5mm,1220*210mm* 2.5mm	7	194,9	Trung Quốc	Cát Lái	FOB
Ván PB (ván dăm) 1220mm x 2440mm x 18mm	38	194,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván Plywood (189*260*18 )mm	5	340,0	Trung Quốc	Cát Lái	FOB
Ván sợi MDF - (2.5x1230x1830mm)	146	380,0	Malaysia	Cát Lái	CFR

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 22/3/2022 đến 05/4/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 22/3/2022 đến 05/4/2022 đạt 40,37 triệu USD, giảm 8,6% so với kỳ trước (từ 08/3/2022 đến 22/3/2022). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 22,61 triệu USD, giảm 4,6% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 4,41 triệu USD, giảm 5,2%; cói đan đạt 3,92 triệu USD, giảm 14,7%; tre đan đạt 3,18 triệu USD, mây đan đạt 2,38 triệu USD.

Trong kỳ qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam được xuất khẩu sang 52 thị trường; trong đó có 8 thị trường đạt kim ngạch trên 1 triệu USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong kỳ, đạt 12,01 triệu USD, giảm 15,7% so với kỳ trước; tiếp đến là: Nhật Bản đạt 2,49 triệu USD, Tây Ban Nha đạt 2,19 triệu USD, Ấn Độ đạt 2,10 triệu USD, Anh đạt 1,65 triệu USD...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 165x38xH70cm, xuất khẩu sang Mỹ có giá 158,0 USD/cái (FOB cảng Lạch Huyện); Tủ sơn mài cốt tre kích cỡ 165x38xH70cm, xuất khẩu sang Australia có giá 152,0 USD/cái (FOB cảng Cảng Xanh); Bàn cốt tre, khảm trai. Kích thước: Dia 91 x H44.5cm, xuất khẩu sang Mỹ có giá 134,0 USD/cái (FOB cảng Lạch Huyện); Ghế sofa dài bằng tre, kích thước: 180x75xH82cm, xuất khẩu sang Đan Mạch có giá 124,2 USD/cái (FOB cảng Cát Lái); Ghế tre, KT: 180x70x35/80cmH, xuất khẩu sang Thụy Điển có giá 71,8 USD/cái (FOB Cảng Cát Lái)...

### Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mạch	Ghế sofa dài bằng tre, kích thước: 180x75xH82cm	Cái	223	124,2	Cát Lái
	Thảm cói, mã hàng 770150, kích thước Dia150cm	Cái	100	10,8	Nam Định Vũ
	Khay bằng tre, kích thước: 35x25x09cm	Cái	304	6,1	Hải Phòng
Đức	Ghế tre. KT: 70x70x35/80cmH	Cái	20	45,7	Cát Lái
	Giỏ đan lục bình NV-AT 1814 ( 48x48x62cm)	Cái	160	27,7	Cát Lái
	Thảm cói, kích cỡ D100xH1 cm	Cái	1.512	15,1	Cái Mép
	Túi bèo tây, kích cỡ 35x10xH25/38cm	Cái	644	7,6	Hải Phòng
Anh	Chao đèn tre kích cỡ D50xH40cm	Cái	190	25,8	Cái Mép
	Sọt lục bình 2 ngăn, KT: 55 x 36 x 58 cm	Cái	230	23,9	Cát Lái
	Giỏ cói GQ23 size L, kích thước DxH: 42x47cm	Cái	25	20,9	Hải Phòng
	Đôn sơn mài cốt tre, kích cỡ D33xH48cm	Cái	292	20,2	Cái Mép
	Hộp Mây, KT: 40 x 30 x 20 cm	Cái	102	18,6	Cát Lái
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ 41x31xH57cm	Cái	350	13,9	Cái Mép
	Khay sơn mài cốt tre, kích cỡ D41xH51 cm	Cái	320	13,8	Cái Mép
Australia	Tủ sơn mài cốt tre kích cỡ 165x38xH70cm	Cái	4	152,0	Cảng Xanh
	Bàn sơn mài cốt tre kích cỡ 116x35xH76cm	Cái	132	64,0	Cảng Xanh
	Rương lục bình. Quy cách: 100cm x 50cm x 46cm	Cái	70	36,9	Cát Lái
	Bộ 6 rổ lục bình gồm bộ 3 rổ hình oval, có quai xách (46 x 42 x 44/50)cm và bộ 3 rổ hình chữ nhật (35 x 26 x 13)cm	Bộ	78	30,6	Cát Lái
	Thùng lục bình, KT :44.5x34.5xH60.5cm, 37.5x27.5xH55.5cm; 32x22xH51cm	Bộ	620	26,2	Cát Lái
	Con voi lục bình. Quy cách: 80cm x 42cm x 44cm	Cái	45	22,6	Cát Lái
	Đôn sơn mài cốt tre kích cỡ D33xH47.5cm	Cái	96	21,1	Cảng Xanh
	Sọt lục bình bộ 5, KT: 45x40xH29cm; 40x35xH28cm; 35x30xH26cm; 30x25xH26cm; 25x20xH25cm	Bộ	320	21,0	Cát Lái
Ba Lan	Chao đèn mây, kích thước: 58 x 58 x 48cm	Cái	140	26,6	Tân Vũ
	Giỏ cói, kích cỡ 46x34xH29cm	Cái	1.872	6,8	Lạch Huyện



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Canada	Thùng giặt đan bằng mây cuốn vải vụn, kích thước: 19.69XH33.46cm	Cái	60	28,0	Cát Lái
	Chậu trồng cây bằng song mây, KT: 75x22xH110cm	Cái	60	27,2	Hải An
	Bàn mây làm bằng cói cói D60xH40cm	Cái	120	17,5	Hải An
	Phên cói D32cm	Cái	120	12,0	Hải Phòng
	Khay sơn mài cốt mây, kích thước (49x49x8/14)cm	Cái	120	12,0	Lạch Huyện
	Bát đan bằng mây cuốn vải vụn, kích thước: 20.87XH8.66cm	Cái	112	10,5	Cát Lái
Hà Lan	Ghế sofa tre, QC: 180x75x32/82cm, Mới 100%	Cái	200	65,0	Cát Lái
	Ghế tre, QC: L60xW88xH73cm. Mới 100%	Cái	320	28,8	Cát Lái
	Giỏ đan bằng lục bình, kích thước: D52/43/35H25/22/18 cm (1 bộ = 3 cái)	Bộ	50	19,2	Phước Long
Hàn Quốc	Chiếu cói/Sedge mats (160 x 220cm)	Cái	84	20,0	Tân Vũ
	Thảm lục bình, kích thước: (180x220)cm	Cái	100	16,8	Cát Lái
	Bát tròn đan bằng mây; k/t: Dia26/22/20 x H10cm	Bộ	108	13,9	Green Port
	Rá tròn đan bằng nứa; k/t: Dia 60 x H7cm	Bộ	100	13,1	Green Port
	Làn chữ nhật đan bằng tre; k/t: 36x26xH21/39cm	Bộ	150	9,6	Green Port
	Hộp chữ nhật đan bằng nứa; k/t: 35 x 27 x H6.5cm	Bộ	60	9,0	Green Port
Mỹ	Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 165x38xH70cm	Cái	108	158,0	Lạch Huyện
	Bàn cốt tre, khảm trai. Kích thước: Dia 91 x H44.5cm	Cái	50	134,0	Lạch Huyện
	Rương đan lục bình trên khung sắt 93x51xH44 cm	Cái	292	57,0	Cát Lái
	Sọt cói bộ 6, kích thước: 40.5 x 30 x H 15cm	Bộ	204	53,1	Lạch Huyện
	Thảm cói KT (240x300) cm	Cái	450	42,0	Tân Vũ
	Giỏ mây chữ nhật 81x43x16.5cm	Cái	400	36,5	Lạch Huyện
	Thùng mây vuông 37x37xH63cm	Cái	150	34,6	Lạch Huyện
	Đôn cốt tre, khảm trai. Kích thước: D35 x H42cm	Cái	68	32,7	Lạch Huyện
	Bộ 6 rổ xếp lục bình hình vuông, màu wash nâu (27 x 27 x 27cm)	Bộ	100	27,1	Cát Lái
Nhật Bản	Bộ đĩa cói treo tường, 1 set gồm 8 đĩa cói, size 35cm, 30cm, 25cm, 20cm, 15cm	Bộ	80	39,5	Hải Phòng
	Bộ 2 giỏ mây chữ nhật 5022-0475 (kt: L: 32x21xH15; S: 26x18xH12cm)	Bộ	300	15,1	Green Port
	Khay mây, KT: 36x35xH24 cm	Cái	320	12,9	Tân Vũ
	Túi mây chữ nhật, (kt: 36x14xH17cm)	Cái	60	11,9	Green Port
Pháp	Giỏ đan dây dù cho thú nằm, có đệm lót: (70x57x36)cm	Cái	160	32,3	Quy Nhơn
	Khung gương mây, kt: D70/20 xH8 (cm)	Cái	1.093	15,0	Cảng Xanh
	Hộp bằng tre có nắp, đan bằng tay: kích thước 20*20*25 (cm)	Cái	600	8,5	Hải Phòng
Tây Ban Nha	Hòm mây (59x45xH43) cm	Cái	285	25,7	Cảng Xanh
	Giá mây 3 tầng (30x20xH60) cm	Cái	300	13,8	Cảng Xanh
Thổ Nhĩ Kỳ	Sọt cói tròn có vải lót, tự nhiên (Dia46 H37/42, Dia41 H32/37, Dia36 H27/32, Dia31 H22/27 cm)	Bộ	125	24,3	Tân Vũ
	Đôn bèo vuông, tự nhiên (38x38x40 cm)	Cái	100	13,5	Tân Vũ
	Chuông mèo bèo tự nhiên, có đệm (Dia35/45 H50 cm)	Cái	200	12,2	Tân Vũ
	Gương mây, kích thước D80 cm	Cái	100	10,5	Cảng Xanh
Thụy Điển	Ghế tre KT: 180x70x35/80cmH	Cái	80	71,8	Cát Lái
	Giỏ cói: TTWD38 cm	Cái	480	14,0	Cảng Xanh
	Chao đèn tre kích cỡ D50xH35m	Cái	580	8,8	Cảng Xanh
Trung Quốc	Bộ 2 thùng giặt bèo màu tự nhiên L: 45x35xH65; M: 40x30xH60)cm	Bộ	180	33,7	Lạch Huyện
	Bộ 2 khay bèo màu đen (2 chiếc/bộ), kích thước: (30x30xH30)cm	Bộ	300	15,9	Lạch Huyện
UAE	Bộ ghế sofa tre ( 1 bộ = 2 cái, QC: 70x70x60cm - 65x70x60cm)	Bộ	125	49,9	Cát Lái
	Chậu bộ 3 lục bình đan. Kích thước: 43x43x30; 38x38x30; 22x22x30 cm	Bộ	54	38,9	Cát Lái
	Rổ bộ 2 lục bình đan. Kích thước: 39x39x33; 29x29x25 cm	Bộ	60	27,3	Cát Lái
Uruguay	Chậu trồng cây mây. Kích thước: D36xH47 cm	Cái	100	16,9	Transimex
	Sọt lá bàng. Kích thước: D40xH35 cm	Cái	100	11,4	Transimex
	Đôn lục bình. Kích thước: D40xH30 cm	Cái	88	10,1	Transimex

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

### Indonesia mở rộng thị phần sản phẩm gỗ tại Đức

Theo Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO), Indonesia có kế hoạch mở rộng thị phần các sản phẩm gỗ của Indonesia tại Đức, việc này được Đại sứ Indonesia tại Đức, công bố khi mở cuộc đối thoại giữa các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm gỗ Indonesia - Đức. Đại sứ Indonesia cũng nhấn mạnh việc thúc đẩy các sản phẩm gỗ được cấp phép bởi Cơ quan Thực thi Lâm luật, Quản trị và thương mại Lâm nghiệp (FLEGT).

Theo Đại sứ Indonesia, chương trình hợp tác giữa Indonesia và Đại học Freiburg nhằm nghiên cứu thị trường sản phẩm gỗ công nghiệp ở châu Âu và cách để sản phẩm gỗ của Indonesia có thể đáp ứng nhu cầu thị trường.

Theo số liệu từ Bộ Môi trường và Lâm nghiệp Indonesia, năm 2021, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ của Indonesia sang Đức đạt 171,1 triệu USD, tăng 23% so với năm 2020. Các sản phẩm xuất khẩu chính là đồ nội thất đạt 73,9 triệu USD, tiếp theo là gỗ tấm các loại đạt 37,9 triệu USD.

Theo Hiệp hội Thương mại Gỗ Đức, Hiệp hội sẽ hỗ trợ các hoạt động quảng bá sản phẩm gỗ của Indonesia, bởi nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm gỗ tại thị trường Đức, cơ hội thị trường đang mở rộng do việc ngừng nhập khẩu gỗ từ Belarus và Nga bởi ảnh hưởng của cuộc xung đột với Ucraina.

### Malaysia đặt mục tiêu xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 32,8 tỷ RM vào năm 2030

Theo The Borneo Post, Bộ Công nghiệp Trồng trọt và Hàng hóa Malaysia, dự báo xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 32,8 tỷ RM (tương đương 7,77 tỷ USD) vào năm 2030. Ngành công nghiệp gỗ đóng góp cao thứ ba về trị giá trong ngành hàng nông sản xuất khẩu của Malaysia, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 22,74 tỷ RM (tương đương 5,38 tỷ USD) vào năm 2021.

Trong đó, khu vực Sarawak của Malaysia chiếm 15% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, với các mặt hàng xuất khẩu chính là ván ép, gỗ và ván sợi. Ngành công nghiệp này cũng phải đối mặt với vấn đề khai thác gỗ chất lượng ở Sarawak, vì các loài gỗ yêu cầu các kỹ thuật khai thác khác nhau.

Tuy nhiên, theo Bộ Công nghiệp Trồng trọt và hàng hóa Malaysia, ngành công nghiệp gỗ có thể nhận được hướng dẫn từ nước ngoài, đặc biệt là Australia, để làm cho ngành gỗ bền vững hơn, qua đó “tăng sản lượng gỗ ở thượng nguồn”.

Chính phủ Malaysia cũng đang triển khai các sáng kiến nhằm thúc đẩy tính bền vững tổng thể của chuỗi giá trị gỗ trong “Chương trình Phát triển Trồng rừng trong Kế hoạch lần thứ 12” của Malaysia, theo đó khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành tận dụng các sáng kiến đó và liên hệ với cơ quan quản lý để xử lý đơn đăng ký của họ.

### Thương mại gỗ xẻ bị ảnh hưởng bởi các lệnh trừng phạt đối với Nga

Theo Wood Resources International (WRI), hoạt động thương mại gỗ xẻ toàn cầu sẽ bị thay đổi bởi các lệnh trừng phạt đối với Nga sau cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina.

Hoạt động thương mại lâm sản bị gián đoạn khi cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina xảy ra, do các lệnh trừng phạt và hạn chế bởi châu Âu, Bắc Mỹ và một số thị trường chính trong khu vực châu Á áp đặt làm gián đoạn các chuyến hàng.

Ucraina, Nga và Belarus xuất khẩu 34 triệu m<sup>3</sup> gỗ vào năm 2021, với hơn 25% khối lượng đó được chuyển đến các quốc gia hiện đang áp đặt lệnh trừng phạt đối với Nga và Belarus.

Theo ước tính, do các lệnh trừng phạt này, ước tính khoảng 10 triệu m<sup>3</sup>, tức chỉ hơn 30% tổng lượng xuất khẩu năm 2021 của ba nước, sẽ không xuất khẩu sang thị trường châu Âu và châu Á, ngoại trừ Trung Quốc.

Châu Âu sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi sự gián đoạn chuỗi cung ứng này vì năm 2021, châu Âu đã nhập khẩu 8,5 triệu m<sup>3</sup> gỗ xẻ từ các nước 3 quốc gia này. Khối lượng này chiếm gần 10% tổng sản phẩm tiêu thụ tại châu Âu.

WRI cũng báo cáo rằng cùng với việc áp dụng các biện pháp trừng phạt thương mại, hai tổ chức chứng nhận gỗ lớn là Hội đồng quản lý rừng (FSC) và Chương trình xác nhận chứng chỉ rừng (PEFC) đã dán nhãn tất cả gỗ đến từ Nga và Belarus là 'gỗ xung đột'.

Việc ghi nhãn này có nghĩa là gỗ không thể được sử dụng để sản xuất các sản phẩm được chứng nhận, ảnh hưởng đến bất kỳ quốc gia nào mua gỗ từ Nga hoặc Belarus để sản xuất các sản phẩm đó bao gồm ván ép, bột giấy và giấy để bán trên toàn thế giới.

Mặc dù Trung Quốc không thiết lập bất kỳ rào cản thương mại nào giữa các nước này, nhưng nước này vẫn có thể bị gián đoạn các chuyến hàng trong một số trường hợp.

Các nhà đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp Nga có thể rút nguồn vốn, khiến cho việc sản xuất và xuất khẩu sản phẩm gỗ ngày càng trở nên khó khăn hơn đối với Nga.

Đòng rúp của Nga yếu, đã giảm khoảng 20% kể từ khi xung đột bắt đầu, cũng có thể gây ra vấn đề cho dây chuyền sản xuất trong ngành gỗ, như thiết bị đắt tiền cho các công ty và nhà sản xuất khai thác gỗ.

Cũng có khả năng là việc loại bỏ các ngân hàng Nga khỏi hệ thống giao dịch thanh toán quốc tế SWIFT sẽ làm phức tạp thanh toán cho các sản phẩm xuất khẩu của Nga và cả những người khai thác gỗ, xưởng cưa, nhà máy ván ép và nhà máy bột giấy khi nhập khẩu máy móc.

WRI ước tính rằng những thay đổi trong thương mại lâm sản toàn cầu do hậu quả của cuộc xung đột sẽ tiếp tục.

## **THAM KHẢO**

### **Gỡ vướng lập hóa đơn thuế GTGT 8%**

Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định 15/2022/NĐ-CP để gỡ vướng lập hóa đơn thuế GTGT 8%.

Hiện hành, tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 15/2022/NĐ-CP quy định:

**"Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng**

4. Cơ sở kinh doanh phải lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở kinh doanh không lập hóa đơn riêng cho hàng hóa,

*dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng thì không được giảm thuế giá trị gia tăng."*

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Nghị định 15/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính nhận được một số phản ánh của các Cục Thuế, doanh nghiệp (DN) và một số cơ quan báo chí phản ánh vướng mắc về quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 15/2022/NĐ-CP về việc lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT.

Theo đó, việc quy định phải lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT thì mới được áp dụng thuế suất 8% theo phản ánh của DN là làm tăng chi phí của DN (tăng chi phí thời gian của kế toán và chi phí sử dụng hóa đơn) vì đối với cùng một khách hàng, thay vì lập 01 hóa đơn ghi nhiều thuế suất khác nhau (5%, 8%, 10%) thì DN phải lập 02 hóa đơn: 01 hóa đơn ghi thuế suất 8% và 01 hóa đơn ghi các thuế suất khác (5%, 10%).

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, hệ thống siêu thị Coopmart phản ánh trong một ngày hệ thống sử dụng trên 10.000 hóa đơn điện tử, phần mềm hóa đơn điện tử cho phép tách riêng nhiều thuế suất trên 01 hóa đơn, các siêu thị đã xuất hóa đơn điện tử ghi nhiều mức thuế suất khác nhau nay phải tách riêng thì rất tốn kém chi phí của DN.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh theo hình thức siêu thị, trung tâm thương mại, các đại lý vận tải biển có phát sinh các khoản thu hộ cước vận tải... cũng gặp những khó khăn tương tự.

Để tháo gỡ các vướng mắc trong việc lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT, đảm bảo phù hợp với các nội dung trên hóa đơn, dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định 15/2022/NĐ-CP như sau:

"Trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn phải ghi rõ thuế suất hoặc mức tỷ lệ % tính thuế GTGT được giảm của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này."

Để nhanh chóng giải quyết vướng mắc trong thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định 15/2022/NĐ-CP theo thủ tục, trình tự rút gọn.

## **Trung Quốc giảm thuế đối với 12 sản phẩm gỗ và giấy nhập khẩu từ New Zealand**

12 sản phẩm gỗ và giấy nhập khẩu từ New Zealand vào Trung Quốc sẽ được xóa bỏ từ ngày 7/4/2022 nhân ngày kỷ niệm 14 năm ký kết Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa hai nước này, bao gồm các sản phẩm như khăn giấy vệ sinh và giấy viết.

Hai chính phủ Trung Quốc và New Zealand đã nhất trí vào tháng 01/2022 rằng 99% mặt hàng gỗ và giấy của New Zealand nhập khẩu vào Trung Quốc sẽ được miễn thuế trong thời gian 10 năm.

---

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **45/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**